

BÁO CÁO

THƯỜNG NIÊN 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẬP SÁNG

VỮNG BƯỚC VƯƠN XA



Signature Not Verified

Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN CHẬP SÁNG
Ký ngày: 14/4/2025 10:44:51

MỤC LỤC



Phần 1: Thông tin chung

- 6 Thông tin khái quát
- 8 Quá trình hình thành và phát triển
- 10 Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- 12 Mô hình quản trị, bộ máy quản lý
- 14 Tâm nhìn, sứ mệnh, triết lý kinh doanh và giá trị cốt lõi
- 15 Định hướng phát triển
- 16 Các rủi ro

Phần 4: Đánh giá của HĐQT

- 40 Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động
- 40 Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của ông TGD
- 41 Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Phần 2: Tình hình hoạt động trong năm

- 20 Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- 21 Tổ chức và nhân sự
- 24 Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án
- 25 Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
- 26 Tình hình tài chính
- 29 Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội

Phần 5: Quản trị Công ty

- 46 Hội đồng quản trị
- 49 Ban Kiểm soát
- 52 Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty
- 53 Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Giám Đốc và Ban Kiểm soát.

Phần 3: Báo cáo và đánh giá của BTGD

- 32 Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
- 33 Tình hình tài chính
- 34 Cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
- 35 Kế hoạch phát triển trong tương lai
- 36 Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty

Phần 6: Báo cáo tài chính kiểm toán

- 60 Báo cáo của Ban Giám đốc
- 62 Báo cáo kiểm toán độc lập
- 64 Bảng cân đối kế toán hợp nhất
- 65 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất
- 66 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất
- 68 Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

PHẦN 1

THÔNG TIN CHUNG

- 6 Thông tin khái quát
- 8 Quá trình hình thành và phát triển
- 10 Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- 12 Mô hình quản trị, bộ máy quản lý
- 14 Tâm nhìn, sứ mệnh, triết lý kinh doanh và giá trị cốt lõi
- 15 Định hướng phát triển
- 16 Các rủi ro



THÔNG TIN KHÁI QUÁT



Tên tiếng Anh : BRILLIANT CHIP JOINT STOCK COMPANY

Mã cổ phiếu : CCS

Vốn điều lệ : 80.290.800.000 đồng

Vốn đầu tư của chủ sở hữu : 80.290.800.000 đồng

Giấy chứng nhận ĐKDN số : 0304392302 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 24/05/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 20/09/2024

Số điện thoại : (028) 3930 1964

Số fax : Không có

Website : www.chipsang.vn

Trụ sở chính : Lô T 2-4 Khu Công Nghệ Cao, Đường D1, Phường Hiệp Phú, Thành phố Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

Văn phòng chi nhánh : 253 Điện Biên Phủ, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN



2006

Ngày 24/05/2006, Công ty Cổ phần Chíp Sáng được thành lập.

2010

Tháng 10/2010, Công ty thành lập Công ty TNHH Sacom - Chíp Sáng và là chủ đầu tư mới để tiếp tục xây dựng dự án tòa nhà BCIS.

2012

Tháng 08/2012, tòa nhà Sacom - Chíp Sáng chính thức được khai trương và đưa vào hoạt động tại Khu công nghệ cao TP. Hồ Chí Minh.

Tháng 10/2012, liên doanh Chíp Sáng & Ashmanov chính thức khai trương và đưa vào khai thác dịch vụ quảng bá trực tuyến NORON.

2018

Ngày 25/09/2018, Công ty ký hợp đồng nguyên tắc về việc phân phối độc quyền Keo tản nhiệt với Trung tâm R&D Khu công nghệ cao.

Đến nay

Công ty vẫn giữ nguyên mức vốn điều lệ 80.290.800.000 đồng và không ngừng phấn đấu nhằm hoàn thành tốt các mục tiêu hoạt động hàng năm được ĐHQĐ giao phó cũng như đảm bảo được các nghĩa vụ đóng góp vào Ngân sách Nhà nước.

Năm 2024, Công ty tiếp tục tìm kiếm các cơ hội đầu tư mới, đặc biệt là lĩnh vực công nghệ cao, nhằm gia tăng giá trị và mang lại dòng doanh thu ổn định.

2007

Tháng 03/2007, Đăng ký hoạt động Chi Nhánh TP. Hồ Chí Minh; Ban quản lý Khu công nghệ cao cấp giấy chứng nhận đầu tư đối với dự án xây dựng tòa nhà “Không gian Internet Chíp Sáng” (Brilliant Chip Internet Space - BCIS).

Tháng 06/2007, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận Công ty Cổ phần Chíp Sáng là Công ty đại chúng.

2011

Tháng 09/2011, Công ty thành lập Công ty TNHH Chíp Sáng và Ashmanov, chuyên nghiên cứu phát triển các giải pháp an toàn bảo mật thông tin, sản phẩm phần mềm ứng dụng công nghệ trí tuệ nhân tạo đọc hiểu ngôn ngữ tự nhiên và các dịch vụ hỗ trợ quảng cáo trực tuyến.

Tháng 11/2011, Công ty phát triển mảng phân phối hàng công nghệ với thương hiệu Gowell.

2013 – 2016

Giai đoạn 2013 – 2016, trúng thầu và thực hiện hàng loạt dự án “Hệ thống chiếu sáng tiết kiệm năng lượng” cho các công ty, tập đoàn lớn.

2024

Ngày 13/06/2024, Công ty ký hợp đồng góp vốn với Công ty TNHH Saolatek.

NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

- Ngành nghề hoạt động hiện nay của Công ty là cho thuê văn phòng.
- Địa điểm cho thuê: Số 253 Điện Biên Phủ, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP.HCM.

ĐỊA BÀN KINH DOANH

- Chủ yếu tại khu vực Thành phố Hồ Chí Minh



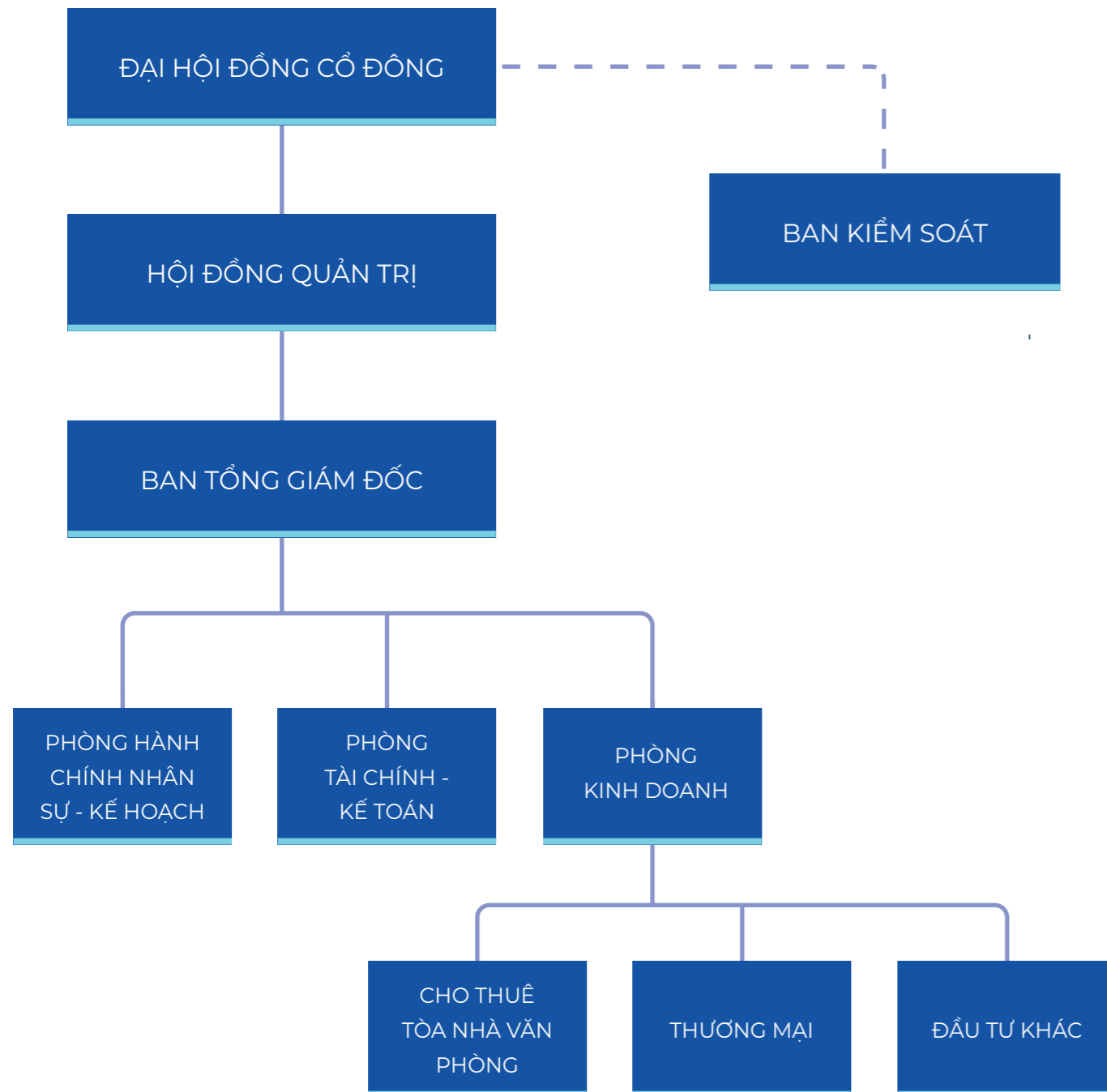
CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT



STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực SXKD chính	Tỷ lệ sở hữu của Công ty
CÔNG TY CON				
1	Công ty TNHH Chíp Sáng và Ashmanov (*)	Lầu 6, tòa nhà BCIS, lô T2-4, Khu CNC, Đường D1, Phường Hiệp Phú, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Kinh doanh dịch vụ Noron và thiết kế website	77,77%
CÔNG TY LIÊN KẾT				
1	Công ty TNHH Sa-com – Chíp Sáng	Lô T2-4 đường D1, Khu Công Nghệ Cao, Phường Hiệp Phú, TP. Thủ Đức, TP.HCM	Kinh doanh Bất động sản và cho thuê văn phòng	26.25%

(*) Công ty TNHH Chíp Sáng và Ashmanov tạm ngưng hoạt động từ 01/01/2020 đến nay.

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, BỘ MÁY QUẢN LÝ



BỘ MÁY QUẢN LÝ

Công ty Cổ phần Chíp Sáng được tổ chức và hoạt động theo Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020, Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

- 1 **Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ):** Đại hội đồng cổ đông bao gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền quyết định cao nhất của công ty, có các quyền và nhiệm vụ theo quy định tại Điều lệ Công ty, trong đó có quyền bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát.
- 2 **Hội đồng quản trị (HĐQT):** Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ những quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
- 3 **Ban Kiểm soát (BKS):** Ban Kiểm soát thay mặt cho các cổ đông kiểm soát toàn bộ hoạt động của Công ty. Ban Kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong điều hành hoạt động kinh doanh và Báo cáo tài chính của Công ty.
- 4 **Giám đốc:** Giám đốc là người có quyền điều hành cao nhất trong Công ty, chịu trách nhiệm trực tiếp trước Hội đồng quản trị về việc tổ chức và quản lý các hoạt động hàng ngày của Công ty và thi hành các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quyền hạn được giao.

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

- 1 **Phòng Hành chính Nhân sự - Kế hoạch:** xây dựng, triển khai và giám sát các hoạt động hành chính văn phòng, công tác quản lý nhân sự, cùng với việc thực hiện các chế độ và chính sách liên quan đến người lao động sao cho phù hợp với cơ cấu tổ chức và hoạt động của công ty và đảm bảo tuân thủ các quy định pháp lý hiện hành.
- 2 **Phòng Tài chính - Kế toán:** xây dựng, triển khai và giám sát các hoạt động kế toán của Công ty trên cơ sở chiến lược phát triển của Công ty và theo đúng quy định Pháp luật

TẦM NHÌN, SỨ MỆNH, TRIẾT LÝ KINH DOANH VÀ GIÁ TRỊ CỐT LÕI

Tầm nhìn

Trở thành công ty có uy tín hàng đầu trong việc cung cấp các giải pháp, sản phẩm, dịch vụ công nghệ cao.

Sứ mệnh

Chíp Sáng cam kết đem lại thuận lợi và thỏa mãn cao nhất cho khách hàng và đối tác bằng việc cung cấp những sản phẩm công nghệ tiên tiến, hiện đại và các giải pháp tiết kiệm với chi phí linh hoạt. Chúng tôi hướng đến một doanh nghiệp có văn hóa cộng đồng vì sự phát triển của từng nhân viên và đóng góp cho sự phát triển chung của đất nước.

Triết lý kinh doanh

“Sáng tạo là nền tảng của thành công”

Trong bối cảnh nền kinh tế hội nhập toàn cầu đầy thách thức với sự cạnh tranh ngày càng khốc liệt giữa các công ty, các tập đoàn, và giữa các quốc gia như hiện nay, thì tư duy sáng tạo không ngừng sẽ giúp doanh nghiệp tạo ra những giải pháp, sản phẩm, dịch vụ khác biệt, có giá trị hàm lượng chất xám cao. Đây là yếu tố quyết định giúp doanh nghiệp tồn tại, phát triển bền vững và đi tới thành công.

Giá trị cốt lõi

Tư duy cởi mở - luôn lắng nghe và chấp nhận sự khác biệt.

Thái độ tôn trọng - luôn tôn trọng chính mình và người khác.

Tính cách chuyên cần - tận tâm trong công việc.

Tác phong chuyên nghiệp - cam kết, kỷ luật, nói là làm.

Tinh thần cống hiến - sống và làm việc với đam mê.

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

- Trở thành Công ty có uy tín hàng đầu trong việc cung cấp giải pháp, sản phẩm, dịch vụ công nghệ cao.
- Đảm bảo Công ty có nguồn tài chính dồi dào để tìm kiếm các cơ hội đầu tư tốt cho những năm tiếp theo.
- Phát triển bền vững, mang đến giá trị cho cộng đồng và xã hội, tạo ra giá trị gia tăng cho các cổ đông, nhà đầu tư, khách hàng và đối tác.

Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Trước sự phục hồi mạnh mẽ của nền kinh tế trong nước và toàn cầu, lãnh đạo Công ty đã chủ trương theo đuổi chiến lược “lấy ngắn nuôi dài”, tập trung vào việc duy trì doanh thu và lợi nhuận ổn định, qua đó tạo nền tảng tài chính vững chắc để tiếp tục đầu tư vào các dự án thương mại và dịch vụ tiềm năng, nhằm đảm bảo nguồn thu nhập bền vững cho Công ty.

Các mục tiêu phát triển bền vững và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty

- Mục tiêu môi trường:** Công ty cam kết tiết kiệm năng lượng và bảo vệ môi trường bằng cách triển khai các sáng kiến xanh và áp dụng công nghệ thân thiện với môi trường trong tất cả các hoạt động kinh doanh. Công ty cũng sẽ tăng cường tìm kiếm và hợp tác với các đối tác trong các dự án bảo vệ môi trường, nhằm thúc đẩy sự phát triển của môi trường xanh và giảm thiểu khí thải, góp phần vào công cuộc bảo vệ hành tinh và phát triển bền vững.
- Mục tiêu đối với xã hội và cộng đồng:** Công ty luôn chú trọng đến cộng đồng và xã hội, nỗ lực hoàn thành đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm xã hội thông qua đảm bảo việc làm ổn định cho người lao động, bảo vệ sức khỏe nhân viên và kinh doanh có trách nhiệm cao với các bên liên quan. Công ty cam kết tuân thủ nghiêm ngặt các quy định pháp luật và quy chế hoạt động của Công ty, đồng thời đặc biệt chú trọng phát triển các dự án cộng đồng với mục tiêu tạo ra tác động tích cực cho xã hội và hỗ trợ sự phát triển của người lao động.

CÁC RỦI RO

RỦI RO KINH TẾ

Năm 2024, kinh tế thế giới phục hồi chậm và không đồng đều nhưng dần cải thiện vào cuối năm. Lạm phát toàn cầu giảm đáng kể so với năm 2023, tạo điều kiện để các ngân hàng trung ương nới lỏng chính sách tiền tệ, thúc đẩy tiêu dùng. Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) dự báo tăng trưởng kinh tế toàn cầu đạt 3,2% trong năm 2024.

Tại Việt Nam, theo Tổng cục Thống kê, nền kinh tế đã có sự phục hồi đáng kể so với năm 2023. GDP năm 2024 đạt mức tăng trưởng 7,09%, vượt mức mục tiêu 6,5% của Chính phủ. Động lực tăng trưởng chính đến từ khu vực công nghiệp và xây dựng (đóng góp 45,17%) và khu vực dịch vụ (đóng góp 49,46%). CPI cả nước tăng 3,63%, phản ánh áp lực giá cả nhưng vẫn trong tầm kiểm soát, mang lại triển vọng tích cực cho nền kinh tế.

Mặc dù nền kinh tế tăng trưởng khả quan, số doanh nghiệp mới thành lập năm 2024 đạt 157.240, giảm 1,39% so với năm trước. Theo Cục Quản lý đăng ký kinh doanh, tổng vốn đăng ký giảm 1,83%, phản ánh tâm lý thận trọng của doanh nghiệp khi mở rộng kinh doanh, có thể ảnh hưởng đến nhu cầu thuê văn phòng mới và tác động đến tỷ lệ lấp đầy của Công ty. Ngoài ra, chi phí vận hành gia tăng khiến doanh nghiệp phải tối ưu hóa chi phí, bao gồm cắt giảm diện tích thuê văn phòng hoặc đàm phán giá thuê thấp hơn. Theo Bộ Xây dựng, nhu cầu thuê văn phòng trong nửa đầu năm 2024 có xu hướng giảm nhẹ so với kỳ trước trong bối cảnh nền kinh tế trong nước và thế giới vẫn đối mặt với nhiều thách thức. Số lượng doanh nghiệp gần như không thay đổi nhưng sự suy giảm nhu cầu mở rộng văn phòng có thể gây áp lực lên chiến lược cho thuê của Công ty.

RỦI RO PHÁP LUẬT

Công ty hoạt động trong lĩnh vực cho thuê văn phòng và chịu sự điều chỉnh của nhiều luật khác nhau, bao gồm Luật Doanh nghiệp, Luật Kế toán, Luật Thuế, Luật Kinh doanh Bất động sản và các quy định liên quan đến lĩnh vực cho thuê bất động sản. Những thay đổi và cập nhật pháp luật diễn ra thường xuyên để phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội, điều này có thể tạo ra cơ hội nhưng cũng mang đến nhiều thách thức pháp lý cho Công ty. Việc không tuân thủ đầy đủ các quy định có thể dẫn đến những hậu quả pháp lý nghiêm trọng, ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, uy tín của doanh nghiệp cũng như khả năng thu hút khách thuê.

Một trong những rủi ro lớn đối với Công ty là tuân thủ các quy định về thuế và phí liên quan đến hoạt động cho thuê bất động sản. Việc không thực hiện đúng nghĩa vụ thuế hoặc không khai báo đầy đủ các khoản thu nhập từ hoạt động cho thuê có thể dẫn đến các biện pháp xử phạt hành chính, thậm chí có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự đối với các trường hợp vi phạm nghiêm trọng. Ngoài ra, các chính sách điều chỉnh thuế bất động sản có thể làm tăng chi phí hoạt động của Công ty, từ đó ảnh hưởng đến giá thuê văn phòng và sức cạnh tranh trên thị trường.

Nhận thức được tầm quan trọng của việc tuân thủ pháp luật, Công ty đã chủ động theo dõi và cập nhật các văn bản bổ sung, sửa đổi có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Công ty. Công ty phối hợp chặt chẽ với cơ quan quản lý nhà nước để đảm bảo thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế, pháp lý và kiểm soát rủi ro.

RỦI RO CẠNH TRANH

Thị trường cho thuê văn phòng năm 2024 duy trì công suất thuê tương đối ổn định, với tỷ lệ lấp đầy trung bình đạt 87% theo báo cáo của Savills. Tuy nhiên, từng phân khúc có mức độ biến động khác nhau. Văn phòng hạng A ghi nhận công suất thuê giảm xuống 86%, giảm 3 điểm % theo quý nhưng vẫn tăng nhẹ 1 điểm % theo năm. Phân khúc hạng B có tỷ lệ lấp đầy thấp nhất ở mức 84%, giảm 1 điểm % theo quý và theo năm, trong khi hạng C vẫn duy trì công suất cao nhất ở mức 91%, chỉ giảm nhẹ 1 điểm % theo năm và thậm chí tăng giá thuê 1% theo quý. Điều này cho thấy tính ổn định của phân khúc văn phòng hạng C, nhưng đồng thời cũng nhấn mạnh áp lực cạnh tranh đối với các tòa nhà thuộc hạng A và B.

Mặc dù công suất thuê vẫn tương đối ổn định, nhưng theo dự báo của Cushman & Wakefield, tỷ lệ trống tại các tòa nhà văn phòng có thể vượt 20% trong giai đoạn 2023 - 2026 do nguồn cung mới không ngừng gia tăng. Các tập đoàn trong và ngoài nước tiếp tục đầu tư vào các dự án văn phòng hiện đại, khiến sự cạnh tranh trở nên khốc liệt hơn. Hầu hết các dự án mới đều hướng đến đạt chứng chỉ ESG về phát triển bền vững và tiết kiệm năng lượng. Điều này gây áp lực lớn lên các tòa nhà hiện hữu, buộc phải cải tạo và nâng cấp để đáp ứng tiêu chuẩn mới nếu muốn thu hút khách thuê, đặc biệt là các doanh nghiệp đang cam kết thực hiện Net Zero.

Để đối phó với áp lực cạnh tranh, Công ty đã chủ động triển khai nhiều chiến lược nhằm duy trì lợi thế cạnh tranh trên thị trường. Công ty tập trung vào tìm kiếm khách hàng tiềm năng mới thông qua các chương trình quảng bá, điều chỉnh chính sách giá thuê, áp dụng chiết khấu và ưu đãi đặc biệt để giữ chân khách hàng lâu năm. Ngoài ra, Công ty cũng tập trung đầu tư vào nâng cấp cơ sở hạ tầng, cải thiện trang thiết bị hiện đại, đảm bảo chất lượng dịch vụ tốt nhất nhằm tăng tỷ lệ lấp đầy và giữ vững vị thế trên thị trường.

RỦI RO LÃI SUẤT

Trong năm 2024, các biến động lãi suất tiếp tục là một yếu tố quan trọng tác động đến hoạt động của Công ty. Trong năm 2024, Ngân hàng Nhà nước duy trì lãi suất điều hành ở mức thấp, nhằm định hướng thị trường giảm lãi suất cho vay, hỗ trợ doanh nghiệp và người dân. Nhờ đó, mặt bằng lãi suất cho vay đối với các khoản vay mới tại các ngân hàng thương mại đã giảm 0,44% so với năm 2023. Chính sách này không chỉ giúp giảm gánh nặng tài chính cho doanh nghiệp, mà còn tạo động lực thúc đẩy thị trường bất động sản nói chung và phân khúc cho thuê văn phòng nói riêng tăng trưởng.

Tuy nhiên, xu hướng này cũng đặt ra một số thách thức đối với hoạt động đầu tư tài chính của Công ty, đặc biệt là trong các danh mục đầu tư trái phiếu, khi lợi suất từ các kênh đầu tư này bị thu hẹp đáng kể. Trước những thách thức này, Ban lãnh đạo Công ty luôn theo dõi sát diễn biến thị trường và kịp thời điều chỉnh chính sách hoạt động để giảm thiểu tác động từ rủi ro lãi suất.

RỦI RO KHÁC

Ngoài những rủi ro đã được đề cập, Công ty còn đối mặt với các yếu tố bất khả kháng, bao gồm thiên tai, cháy nổ, dịch bệnh. Trong năm 2023 và 2024, hàng loạt vụ cháy nổ nghiêm trọng tại các tòa nhà cao tầng đã làm dấy lên lo ngại về tính an toàn trong công tác phòng cháy chữa cháy (PCCC) của các bất động sản cho thuê. Đây là một vấn đề đặc biệt quan trọng đối với Công ty, bởi các tòa nhà văn phòng không chỉ phục vụ hoạt động kinh doanh mà còn ảnh hưởng trực tiếp đến an toàn của khách thuê, nhân viên làm việc trong tòa nhà và tài sản của Công ty. Nhận thức được điều này, Công ty đã chủ động triển khai các biện pháp nhằm đảm bảo an toàn phòng cháy chữa cháy cho khách thuê.

PHẦN 2

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- 20 Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- 21 Tổ chức và nhân sự
- 24 Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án
- 25 Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
- 26 Tình hình tài chính
- 28 Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH TRONG NĂM

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	%2024/2023
Doanh thu thuần	9.153	10.541	15,16%
Lợi nhuận gộp	1.827	2.943	61,02%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	10.497	11.905	13,42%
Lợi nhuận khác	(582)	30	(105,18%)
Lợi nhuận trước thuế	9.915	11.935	20,38%
Lợi nhuận sau thuế	9.564	11.315	18,31%

Trong năm 2024, Công ty ghi nhận doanh thu thuần đạt 10,54 tỷ đồng, tăng 15,16% so với năm 2023. Lợi nhuận gộp đạt 2,94 tỷ đồng, tăng mạnh 61,02%, cho thấy Công ty đã tối ưu hiệu quả hoạt động, vừa kiểm soát tốt chi phí vừa đẩy mạnh tăng trưởng doanh thu.

Mặc dù doanh thu tài chính năm 2024 giảm so với năm 2023, lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh của Công ty vẫn ghi nhận mức tăng trưởng ấn tượng 13,42%, từ 10,50 tỷ đồng lên 11,91 tỷ đồng. Kết quả này chủ yếu đến từ sự tăng trưởng ổn định của mảng kinh doanh cốt lõi là cho thuê văn phòng, kết hợp với hiệu quả cải thiện rõ rệt từ các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết. Đây là tín hiệu tích cực cho thấy Công ty đang duy trì được nền tảng hoạt động vững chắc và gia tăng giá trị từ các hoạt động đầu tư.

Lợi nhuận trước thuế và lợi nhuận sau thuế cũng tăng trưởng ấn tượng, lần lượt đạt 11,94 tỷ đồng và 11,32 tỷ đồng, tương ứng mức tăng 20,28% và 18,31% so với năm 2023. Những con số này phản ánh rõ nét nỗ lực trong việc triển khai chiến lược kinh doanh và điều hành hoạt động một cách linh hoạt, phù hợp với bối cảnh thị trường của Ban lãnh đạo Công ty.

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN SO VỚI KẾ HOẠCH

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2024	Thực hiện năm 2024	% Thực hiện năm 2024/ kế hoạch năm 2024
Doanh thu thuần	9.800	10.541	107,56%
Lợi nhuận trước thuế	8.100	11.935	147,35%

Nhờ sự phục hồi tích cực của hoạt động kinh doanh cùng với việc kiểm soát hiệu quả các hoạt động đầu tư tài chính, Công ty đã hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kinh doanh do Đại hội đồng cổ đông đề ra. Cụ thể, doanh thu thuần năm 2024 đạt 10.541 tỷ đồng, tương đương 107,56% kế hoạch năm. Đặc biệt, lợi nhuận trước thuế ghi nhận 11.935 tỷ đồng, vượt 47,35% so với chỉ tiêu đề ra, đạt 147,35% kế hoạch. Kết quả này cho thấy sự chủ động, linh hoạt trong quản trị điều hành và định hướng chiến lược của Ban lãnh đạo trong bối cảnh thị trường vẫn còn nhiều yếu tố bất ổn.

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

DANH SÁCH BAN ĐIỀU HÀNH

Tính tại ngày 31/12/2023

Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
Đặng Duy Hợp	Thành viên HĐQT – Kiểm Giám đốc	33.600	0,42%
Vũ Việt Hương	Kế toán trưởng	0	0%

LÝ LỊCH BAN ĐIỀU HÀNH

01

Ông Đặng Duy Hợp
Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc

Ngày sinh	: 25/02/1965
Nơi sinh	: Mỹ Tho – Tiền Giang
CMND/CCCD số	: 079065023251
Quốc tịch	: Việt Nam
Trình độ chuyên môn	: Thạc sĩ Luật TMQT, Sorbonne, Pháp. MBA, chuyên ngành quản trị điều hành (FPT)
Chức vụ tại các tổ chức khác	: Không có

02

Bà Vũ Việt Hương
Kế toán trưởng

Ngày sinh	: 08/06/1973
Nơi sinh	: Hà Nội
CMND/CCCD số	: 001173034167
Quốc tịch	: Việt Nam
Trình độ chuyên môn	: Đại học
Chức vụ tại các tổ chức khác	: Phó giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn Dịch Vụ Thuế Tâm An Phó giám đốc Công ty Cổ phần Mạng Xã Hội Webketoan

NHỮNG THAY ĐỔI TRONG BAN ĐIỀU HÀNH TRONG NĂM 2024:

Không có

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

SỐ LƯỢNG CÁN BỘ, NHÂN VIÊN

STT	Tính chất phân loại	Số lượng 2024 (người)	Tỷ lệ năm 2024
I	Theo trình độ lao động	05	100%
1	Trên đại học	01	20%
2	Đại học	03	60%
3	Cao đẳng	01	20%
4	Trung cấp	-	-
II	Theo tính chất hợp đồng lao động	100	100%
1	Hợp đồng có xác định thời hạn	03	60%
2	Hợp đồng không xác định thời hạn	02	40%

THU NHẬP BÌNH QUÂN

(Tính đến ngày 31/12/2024)

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
Tổng số lượng người lao động (người)	3	4	5	5
Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)	11.291.667	13.244.864	13.746.245	14,137,237

CHÍNH SÁCH NHÂN SỰ

Chính sách đào tạo

Nhằm nâng cao chuyên môn và phát triển năng lực quản lý, Công ty thường xuyên triển khai các chương trình đào tạo nội bộ dành cho CBNV, cũng như các khóa học chuyên sâu dành cho đội ngũ điều hành và quản lý cấp cao. Bên cạnh đó, Công ty khuyến khích tinh thần học hỏi và chia sẻ kinh nghiệm thông qua các buổi thảo luận, giúp nhân viên tích lũy kiến thức thực tiễn, từ đó nâng cao hiệu quả công việc.

Chính sách tuyển dụng

Công tác tuyển dụng được thực hiện theo chiến lược phát triển của Công ty, đảm bảo tìm kiếm và thu hút nhân tài một cách kịp thời, hiệu quả. Quá trình tuyển dụng được thực hiện công bằng, minh bạch, không phân biệt giới tính, tôn giáo hay chủng tộc. Các tiêu chí đánh giá năng lực và kỹ năng của ứng viên được công khai rõ ràng, làm cơ sở cho việc lựa chọn những nhân sự phù hợp với định hướng phát triển của Công ty.

Môi trường công việc

Công ty luôn hướng đến việc xây dựng một môi trường làm việc chuyên nghiệp, thân thiện và khuyến khích sự phát triển cá nhân. Không chỉ tạo điều kiện để CBNV phát huy tối đa năng lực, Công ty còn tổ chức đa dạng các hoạt động văn hóa, thể thao, sinh nhật và chương trình cộng đồng nhằm gắn kết đội ngũ, tạo động lực làm việc. Mỗi nhân viên đều chủ động thực hiện theo tôn chỉ và giá trị cốt lõi của Công ty, góp phần xây dựng một tập thể vững mạnh và phát triển bền vững.

Chính sách lương thưởng, phúc lợi, đãi ngộ

Công ty luôn chú trọng xây dựng chính sách đãi ngộ hấp dẫn, đảm bảo công bằng và tương xứng với năng lực của nhân viên. Công ty cũng chú trọng chăm lo đời sống người lao động, tạo môi trường làm việc thuận lợi, giúp nhân viên phát huy tối đa năng lực và phấn đấu vì sự phát triển chung của tập thể. Các chế độ phúc lợi được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật, đảm bảo quyền lợi chính đáng cho người lao động.



TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ LỚN

Khoản đầu tư dự án



Tình hình thực hiện: Vào tháng 5 năm 2024, Công ty Cp Chíp Sáng đã đầu tư vào Công ty TNHH Saolatek (thiết bị bay DRONE_công nghệ cao)



Tiến độ thực hiện các dự án: Hiện nay dự án đã được Vườn ươm (Khu công nghệ Cao Tp.HCM) cấp phép trong năm 2025.

CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

Công ty tiếp tục duy trì đầu tư tại công ty con, công ty liên kết như sau:

STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực SXKD chính	Tỷ lệ sở hữu của Công ty
CÔNG TY CON				
1	Công ty TNHH Chíp Sáng và Ashmanov (*)	Lầu 6, tòa nhà BCIS, lô T2-4, Khu CNC, Đường D1, Phường Hiệp Phú, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Kinh doanh dịch vụ Noron và thiết kế website	77,77%
CÔNG TY LIÊN KẾT				
1	Công ty TNHH Sa-com – Chíp Sáng	Lô T2-4 đường D1, Khu Công Nghệ Cao, Phường Hiệp Phú, TP. Thủ Đức, TP.HCM	Kinh doanh Bất động sản và cho thuê văn phòng	26.25%

(*) Công ty TNHH Chíp Sáng và Ashmanov tạm ngưng hoạt động từ 01/01/2020 đến nay.

Riêng Công Ty TNHH Sacom-Chíp Sáng đang hoạt động tốt.

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

CỔ PHẦN



Tổng số cổ phần : 8.029.080 cổ phiếu

- Số cổ phiếu đang lưu hành : 6.915.019 cổ phiếu
- Số cổ phiếu quỹ : 1.114.061 cổ phiếu

Loại cổ phần : cổ phần phổ thông

Mệnh giá : 10.000 đồng/cổ phiếu

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

STT	Loại cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ % trên vốn điều lệ thực góp
I	Cổ đông trong nước	471	6.801.019	84,70%
1	Cá nhân	466	5.419.975	67,50%
2	Tổ chức	5	1.381.044	17,20%
II	Cổ đông nước ngoài	8	114.000	1,42%
1	Cá nhân	8	114.000	1,42%
2	Tổ chức	0	0	0,00%
III	Cổ phiếu quỹ	1	1.114.061	13,88%
Tổng cộng (I+II+III)		480	8.029.080	100%

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa: theo công văn số 3922/UBCK-PTTT ngày 23/06/2022 quy định tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa là 0%.

TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Thời điểm	Vốn điều lệ	Giá trị vốn tăng/giảm	Hình thức tăng/giảm vốn	Căn cứ pháp lý
16/05/2007	32.000.000.000	+50.290.800.000	Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	GCNĐKDN thay đổi lần thứ 2 ngày 16/05/2007

- Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu trong năm 2024: Không có
- Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có
- Các chứng khoán khác: Không có

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	%2024/2023
Tổng giá trị tài sản	79.079	88.880	12,39%
Doanh thu thuần	9.153	10.541	15,16%
Lợi nhuận gộp	1.827	2.943	61,02%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	10.497	11.905	13,42%
Lợi nhuận khác	(582)	30	(105,18%)
Lợi nhuận trước thuế	9.915	11.935	20,38%
Lợi nhuận sau thuế	9.564	11.315	18,31%
Lãi cơ bản trên 1 cổ phiếu (đồng)	1.407	1.636	16,28%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	4%	4%	0,00%

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2023	Năm 2024
CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG THANH TOÁN			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	11,74	6,73
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	11,74	6,73
CHỈ TIÊU VỀ CƠ CẤU VỐN			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	5,54	6,77
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	5,86	7,26
CHỈ TIÊU VỀ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	3367,65	7615,82
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	0,12	0,13
CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG SINH LỜI			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	104,48	107,35
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	13,68	14,36
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	12,99	13,47
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh/Doanh thu thuần	%	114,68	112,94

CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG THANH TOÁN

Hệ số thanh toán ngắn hạn và hệ số thanh toán nhanh của Công ty vẫn được duy trì ở mức cao, mặc dù có sự sụt giảm nhẹ so với năm 2023. Điều này cho thấy Công ty vẫn đảm bảo được khả năng thanh khoản và có thể đáp ứng các nghĩa vụ tài chính ngắn hạn một cách hiệu quả.

Việc giảm nhẹ các hệ số thanh toán chủ yếu đến từ sự gia tăng của các khoản nợ ngắn hạn, đặc biệt là khoản nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn và chi trả cổ tức trong kỳ. Tuy nhiên, đây là những khoản mục có tính chất tạm thời và được kiểm soát trong kế hoạch tài chính tổng thể của Công ty, không gây ảnh hưởng đến sự ổn định chung của tình hình tài chính.

CHỈ TIÊU VỀ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG

Vòng quay tổng tài sản của Công ty trong năm 2024 ghi nhận sự cải thiện nhẹ so với năm 2023 và tiếp tục duy trì ở mức hợp lý. Điều này phản ánh hiệu quả trong việc sử dụng tài sản để tạo ra doanh thu. Cơ cấu tài sản của Công ty vẫn tập trung chủ yếu vào tài sản dài hạn, đặc biệt là các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết – nguồn thu ổn định và đóng vai trò quan trọng trong chiến lược phát triển lâu dài.

Trong năm tới, Công ty định hướng tiếp tục nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản, qua đó cải thiện thêm vòng quay tổng tài sản nhằm tối ưu hóa hiệu suất hoạt động.

Bên cạnh đó, do đặc thù hoạt động kinh doanh là cho thuê văn phòng, hàng tồn kho của Công ty gần như không phát sinh, góp phần duy trì vòng quay hàng tồn kho đạt mức cao. Đây là chỉ báo tích cực thể hiện hiệu quả trong công tác quản lý vận hành và khả năng kiểm soát chi phí lưu kho một cách tối ưu.

CHỈ TIÊU VỀ CƠ CẤU VỐN

Trong năm 2024, hệ số nợ trên tổng tài sản và hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu lần lượt đạt 6,77% và 7,26%, tăng nhẹ so với năm trước. Mức tăng này vẫn nằm trong ngưỡng an toàn và cho thấy Công ty đang thực hiện chiến lược quản lý tài chính thận trọng, hướng tới tối ưu hóa cơ cấu vốn.

Cơ cấu nợ của Công ty tiếp tục được kiểm soát hiệu quả, với phần lớn là nợ ngắn hạn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Công ty không phát sinh nợ vay dài hạn trong kỳ, qua đó giảm thiểu áp lực lãi vay và rủi ro tài chính trong dài hạn.

CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG SINH LỜI

Nhờ sự cải thiện trong hoạt động kinh doanh cốt lõi và việc kiểm soát chi phí ở mức hợp lý so với năm 2023, các chỉ số phản ánh khả năng sinh lời của Công ty trong năm 2024 đều ghi nhận sự tăng trưởng tích cực. Đây là kết quả của việc duy trì bộ máy nhân sự tinh gọn, hoạt động kinh doanh ổn định và định hướng phát triển rõ ràng.

Trong thời gian tới, Công ty sẽ tiếp tục tập trung vào việc tối ưu hóa chi phí, nâng cao hiệu quả hoạt động và gia tăng doanh thu. Những nỗ lực này nhằm đảm bảo một nền tảng tài chính vững chắc và duy trì và gia tăng giá trị mang lại cho cổ đông.

BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

TÁC ĐỘNG LÊN MÔI TRƯỜNG

Trong suốt quá trình hoạt động, Chíp Sáng luôn cam kết tuân thủ nghiêm ngặt tất cả các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường, đặc biệt trong công tác xử lý chất thải, sử dụng năng lượng và bảo vệ hệ sinh thái. Cụ thể, Công ty đã thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn và kiểm soát ô nhiễm môi trường, đồng thời khởi xướng các hoạt động thiết thực như chương trình trồng cây xanh để tạo ra không gian sống xanh và sạch. Bên cạnh đó, Công ty cũng tích cực đóng góp vào quỹ bảo vệ môi trường của Nhà nước, không ngừng thực hiện các hoạt động kinh doanh có trách nhiệm, nhằm mang lại giá trị tích cực không chỉ cho không gian làm việc và đối tác mà còn cho cộng đồng xã hội.

- **Tổng phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp:** Công ty hiện chưa ghi nhận số liệu cụ thể.
- **Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính:** Công ty luôn chủ động lồng ghép các yếu tố phát triển bền vững vào hoạt động kinh doanh như ưu tiên sử dụng thiết bị tiết kiệm điện, phân loại và tái chế rác thải, truyền thông nội bộ về lối sống xanh.

TIÊU THỤ NƯỚC

Việc quản lý, tiết kiệm và bảo vệ nguồn nước luôn là ưu tiên hàng đầu của Công ty nhằm hướng tới sự phát triển bền vững. Trong năm qua, Công ty đã triển khai nhiều giải pháp thiết thực nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng nước. Cụ thể, Công ty đã đẩy mạnh công tác tuyên truyền, áp dụng chính sách tiết kiệm nước, khuyến khích tái sử dụng nguồn nước, xây dựng hệ thống xử lý nước thải đạt chuẩn và tăng cường kiểm soát chất lượng nước thải. Trong năm tới, Công ty sẽ tiếp tục đẩy mạnh công tác này bằng việc thu thập, đo lường và theo dõi các chỉ tiêu liên quan như tỷ lệ tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng, nhằm đánh giá hiệu quả các biện pháp đã thực hiện và cải thiện công tác quản lý tài nguyên nước một cách hiệu quả hơn.

- **Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng:** Nguồn nước của công ty chủ yếu đến từ hệ thống cấp nước đô thị và được sử dụng tiết kiệm, hợp lý trong toàn bộ hoạt động vận hành.

TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Trong năm 2024, Công ty hoàn toàn tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và không ghi nhận bất kỳ trường hợp nào bị xử phạt vi phạm. Công ty cam kết chấp hành nghiêm túc các quy định pháp luật, cũng như duy trì hoạt động sản xuất, kinh doanh gắn liền với trách nhiệm bảo vệ môi trường.

TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG

Trong năm 2024, Công ty tiếp tục tập trung vào việc tối ưu hóa sử dụng năng lượng, với mục tiêu tiết kiệm và sử dụng tài nguyên một cách hiệu quả. Việc sử dụng điện luôn được quản lý chặt chẽ, đảm bảo hợp lý và tiết kiệm. Tất cả các văn phòng của Công ty đều tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về tiết kiệm năng lượng, đồng thời thường xuyên tuyên truyền tình hình sử dụng năng lượng để kịp thời đánh giá và điều chỉnh các biện pháp cải thiện. Đặc biệt, Công ty đã thay thế bóng đèn cao áp bằng bóng đèn LED tiết kiệm điện, giúp giảm chi phí năng lượng mà vẫn đảm bảo đủ ánh sáng cho các công việc hàng ngày. Điều này không chỉ giảm thiểu sự lãng phí năng lượng mà còn góp phần tối ưu hóa nguồn lực.

- **Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp:** Công ty hiện chưa ghi nhận số liệu cụ thể, tuy nhiên luôn kiểm soát chặt chẽ việc sử dụng năng lượng trong toàn hệ thống.
- **Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả:** Công ty đã thực hiện nhiều biện pháp nhằm tiết kiệm năng lượng như thay thế toàn bộ hệ thống chiếu sáng truyền thống bằng đèn LED tiết kiệm điện và tối ưu hóa thời gian sử dụng thiết bị điện tại văn phòng.

BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Công ty luôn cam kết phát triển bền vững và thực hiện đầy đủ trách nhiệm xã hội. Công ty tin rằng sự phát triển kinh doanh phải gắn liền với việc thúc đẩy tiến bộ xã hội, bảo vệ môi trường và phát triển cộng đồng. Trong suốt thời gian qua, Công ty đã tích cực tham gia các dự án mang lại lợi ích lâu dài cho cộng đồng, bao gồm các dự án Xanh, tuân thủ nghiêm ngặt các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và đóng góp vào các quỹ thiện nguyện. Công ty luôn thực hiện nghĩa vụ nộp thuế đầy đủ và đúng hạn, góp phần vào ngân sách Nhà nước. Với những hoạt động này, Công ty mong muốn đóng góp vào việc xây dựng một xã hội công bằng, bền vững và hướng đến một cuộc sống tốt đẹp hơn cho tất cả mọi người.

CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG

Ban lãnh đạo Công ty luôn xem nguồn nhân lực là nền tảng cho sự phát triển bền vững. Trong năm qua, Công ty đã chú trọng xây dựng môi trường làm việc an toàn, bình đẳng và tạo điều kiện để nhân viên phát triển chuyên môn. Các chính sách về lương, thưởng, phúc lợi và chế độ lao động được thực hiện đầy đủ theo quy định pháp luật. Bên cạnh đó, Công ty đã tổ chức nhiều chương trình đào tạo nội bộ nhằm nâng cao năng lực, tăng khả năng thích ứng với sự biến động của thị trường, và giữ chân nhân tài.

PHẦN 3

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- 32 Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
- 33 Tình hình tài chính
- 34 Cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
- 35 Kế hoạch phát triển trong tương lai
- 36 Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty



ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

PHÂN TÍCH TỔNG QUAN VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY SO VỚI KẾ HOẠCH/DỰ TÍNH VÀ CÁC KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH TRƯỚC ĐÂY

TRONG NĂM 2024:

Thuận lợi

Trong năm 2024, nền kinh tế Việt Nam từng bước phục hồi, tạo ra nhiều cơ hội tích cực cho doanh nghiệp nói chung và Công ty nói riêng trong việc cải thiện kết quả kinh doanh. Công ty đã tiếp tục giám sát chặt chẽ và triển khai các hoạt động đầu tư một cách thận trọng. Nhờ đó, Công ty không chỉ duy trì được nguồn vốn ổn định mà còn đảm bảo an toàn cho các dự án đầu tư, đồng thời củng cố nền tảng tài chính vững chắc cho sự phát triển bền vững trong các năm tiếp theo.

Khó khăn

Bối cảnh kinh tế chung trong năm qua vẫn còn tiềm ẩn nhiều thách thức với những biến động từ cả thị trường trong và ngoài nước. Điều này khiến không ít doanh nghiệp gặp khó khăn trong quá trình ổn định hoạt động, và phần nào tác động đến hiệu quả đầu tư tài chính cũng như hoạt động kinh doanh cốt lõi của Công ty. Ngoài ra, xu hướng thận trọng trong quyết định tài chính của các đối tác sau giai đoạn suy giảm khiến tỷ lệ các khoản phải thu của Công ty gia tăng, gây áp lực lên công tác quản lý dòng tiền và tối ưu hóa nguồn vốn.



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

TÌNH HÌNH TÀI SẢN

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2023		31/12/2024		% Tăng giảm	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ lệ
Tài sản ngắn hạn	29.530	37,34%	40.507	45,58%	10.977	37,17%
Tài sản dài hạn	49.549	62,66%	48.373	54,42%	(1.175)	(2,37%)
Tổng tài sản	79.079	100,00%	88.880	100,00%	9.801	12,39%

Tính đến cuối năm 2024, tổng tài sản của Công ty đạt 88,88 tỷ đồng, tăng 12,39% so với năm 2023. Mức tăng này chủ yếu đến từ sự gia tăng của các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, trong đó phần lớn là các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn với nguồn thu nhập định kỳ và mức độ an toàn cao. Trong khi đó, tài sản dài hạn không có nhiều biến động so với năm trước. Đáng chú ý, khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết tiếp tục đóng vai trò quan trọng trong việc củng cố tiềm lực tài chính, đa dạng hóa nguồn thu cho công ty.

TÌNH HÌNH NỢ PHẢI TRẢ

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2023		31/12/2024		% Tăng giảm	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ lệ
Nợ phải trả	4.380	5,54%	6.017	6,77%	1.637	37,17%
- Nợ ngắn hạn	2.515	3,18%	6.017	6,77%	3.502	(2,37%)
- Nợ dài hạn	1.865	2,36%	0	0,00%	(1.865)	12,39%
Vốn chủ sở hữu	74.699	94,46%	82.863	93,23%	8.165	10,93%
Tổng nguồn vốn	79.079	100,00%	88.880	100,00%	9.801	12,39%

Tính đến cuối năm 2024, tổng nguồn vốn của Công ty tăng 12,39% so với năm 2023, chủ yếu nhờ vào sự gia tăng của vốn chủ sở hữu (tăng 10,93%) và nợ ngắn hạn (tăng 139,24%). Đáng chú ý, Công ty đã tất toán toàn bộ nợ dài hạn, qua đó giảm áp lực tài chính và góp phần nâng cao tính chủ động trong cơ cấu vốn.

CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI



Nhìn chung, năm 2024 là thời điểm quan trọng để Công ty tận dụng cơ hội, phục hồi và phát triển, tạo động lực cho các mục tiêu dài hạn. Để đạt được điều này, Ban Giám đốc đã thực hiện củng cố bộ máy nhân sự, nâng cao hiệu quả công tác điều hành, đào tạo và tối ưu hóa nguồn lực lao động:

- Tiến hành cắt giảm chi phí đồng thời cải thiện hiệu suất, quy trình làm việc và nâng cao chất lượng hoạt động chung của toàn Công ty;
- Cập nhật và triển khai các phương hướng hoạt động và chiến lược, luôn đảm bảo phù hợp với chính sách và định hướng của Nhà nước, đồng thời đáp ứng nhanh chóng nhu cầu của thị trường.

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2025

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2024	Kế hoạch năm 2025
1	Doanh thu thuần	10.541	9.800
2	Lợi nhuận trước thuế	11.935	8.100

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

Ban Điều hành luôn chủ động tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường, đảm bảo không xảy ra vi phạm hay bị xử phạt hành chính liên quan đến môi trường trong hoạt động kinh doanh. Công ty cũng chú trọng việc tiết kiệm và tối ưu hóa chi phí năng lượng, tham gia các hoạt động trồng cây xanh, đóng góp quỹ bảo vệ môi trường của Nhà nước, qua đó góp phần vào việc bảo vệ và phát triển môi trường bền vững.

Ban Điều hành không ngừng nỗ lực tạo ra một môi trường làm việc thuận lợi, giúp người lao động phát triển khả năng và tích lũy kiến thức. Đồng thời, Ban cũng chú trọng xây dựng một văn hóa doanh nghiệp đoàn kết, đồng lòng với tinh thần trách nhiệm cao. Ban Điều hành cam kết tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật để bảo vệ quyền lợi của người lao động, đảm bảo việc chi trả lương, thưởng và các phúc lợi đầy đủ cho CBNV.

Ban Điều hành luôn ý thức được vai trò của doanh nghiệp đối với cộng đồng và chỉ đạo Công ty tham gia tích cực vào các hoạt động xã hội, công tác thiện nguyện, nhằm chia sẻ trách nhiệm xã hội. Công ty sẽ tiếp tục phát triển các mối quan hệ xã hội, gắn kết hoạt động kinh doanh với các hoạt động cộng đồng, đóng góp vào sự phát triển chung của xã hội.

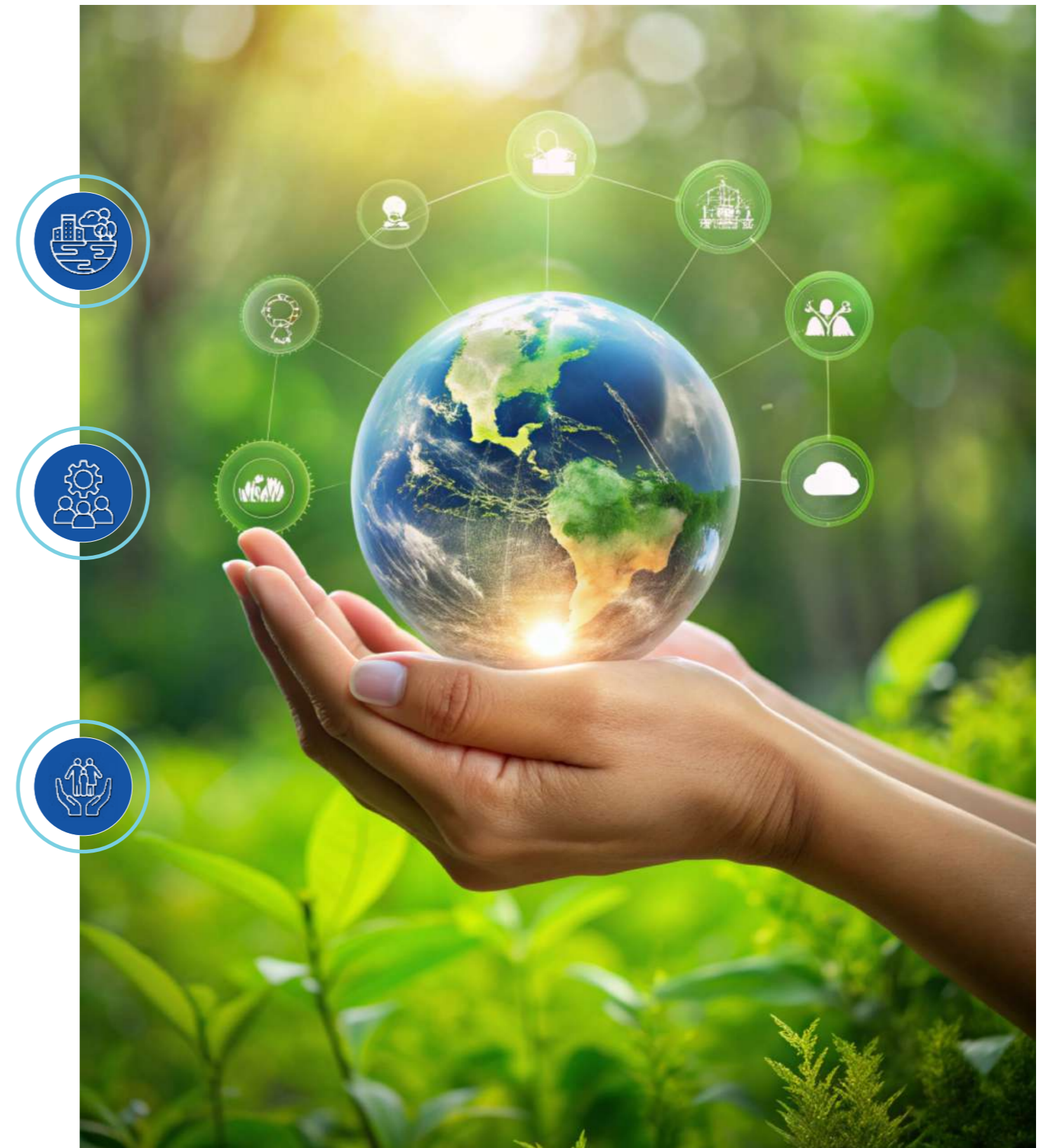
GIẢI TRÌNH CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN

Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán năm 2024: Không có

Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường

Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương



PHẦN 4

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- 40 Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động
- 40 Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của ông TGĐ
- 41 Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG

ĐÁNH GIÁ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Bước sang năm 2024, trong bối cảnh nền kinh tế Việt Nam và thế giới phục hồi tích cực, Công ty đã duy trì đà phát triển và đạt được lợi nhuận ổn định. Mặc dù nền kinh tế toàn cầu vẫn còn những biến động khó lường, Công ty đã chủ động xây dựng các kế hoạch chiến lược nhằm đối phó với các rủi ro và tận dụng cơ hội từ sự phục hồi kinh tế. Ban lãnh đạo Công ty không chỉ tập trung vào duy trì và phát triển các hoạt động hiện tại mà còn tích cực nghiên cứu và tìm kiếm các hướng đi mới để đưa Công ty phát triển bền vững trong tương lai.

Trong năm 2024, HĐQT đã phối hợp cùng Ban Điều hành (BĐH) để đưa ra các định hướng nhằm đạt được kết quả kinh doanh kỳ vọng và tuân thủ quy định pháp luật hiện hành. Công ty cũng quản lý tốt khai thác bất động sản văn phòng và quản lý hiệu quả Liên doanh để duy trì lợi nhuận dương. Đồng thời, Công ty tiếp tục quản lý hiệu quả nguồn vốn và khai thác tối ưu dòng tiền hiện có. Một mục tiêu quan trọng là tìm kiếm các cơ hội đầu tư phù hợp, dựa trên năng lực và nguồn lực hiện có của Công ty nhằm đảm bảo nguồn doanh thu và lợi nhuận bền vững trong tương lai.

Đặc biệt, năm 2024, Công ty đã tiến hành chi trả cổ tức bằng tiền mặt cho cổ đông, thể hiện cam kết gia tăng giá trị cho cổ đông. HĐQT một lần nữa ghi nhận và đánh giá cao quyết tâm mạnh mẽ của Ban điều hành và đội ngũ nhân viên trong mọi hoạt động, góp phần to lớn vào kết quả ấn tượng mà Công ty đạt được trong năm vừa qua.

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Trong năm 2024, Ban Giám đốc đã chủ động và tích cực phối hợp với HĐQT để triển khai các chiến lược và kế hoạch kinh doanh đã được ĐHCĐ thông qua. HĐQT đánh giá cao Ban Giám đốc vì đã thực hiện công tác điều hành một cách hiệu quả, sáng tạo, và phù hợp với bối cảnh thị trường đầy biến động, hoàn thành xuất sắc các chỉ tiêu kinh doanh đã đề ra. Đồng thời, Ban Giám đốc cũng đã đảm bảo công ăn việc làm và bảo vệ sức khỏe nhân viên, đồng thời tuân thủ pháp luật và quy chế Công ty. Các nhiệm vụ của Ban Giám đốc đều đạt kết quả tích cực, không có vi phạm nào về an toàn lao động, quyền con người và môi trường trong năm 2024.

ĐÁNH GIÁ VỀ TRÁCH NHIỆM MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

Công ty Cổ phần Chíp Sáng luôn đặt trách nhiệm môi trường và xã hội lên hàng đầu trong hoạt động kinh doanh và chiến lược phát triển bền vững của mình. Về trách nhiệm môi trường, Công ty cam kết tiết kiệm năng lượng và bảo vệ môi trường, triển khai sáng kiến xanh và áp dụng công nghệ thân thiện với môi trường trong mọi khía cạnh hoạt động. Thêm vào đó, Công ty luôn tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật về môi trường và cam kết công khai, minh bạch thông tin về các hoạt động liên quan đến môi trường và xã hội, qua đó góp phần nâng cao uy tín và trách nhiệm với cộng đồng.

Về trách nhiệm xã hội, Công ty không chỉ tập trung vào việc đảm bảo điều kiện vật chất, tinh thần, và sức khỏe cho toàn thể nhân viên, mà còn chú trọng đến phát triển năng lực và cung cấp chế độ lương, thưởng và bảo hiểm hợp lý để nhân viên yên tâm công. Công ty cũng luôn nỗ lực thực hiện các hoạt động an sinh xã hội, góp phần vào phát triển cộng đồng.

CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trong thời gian tới Công ty tiếp duy trì các mục tiêu chiến lược để duy trì sự ổn định và tăng trưởng bền vững, đồng thời tìm kiếm các cơ hội đầu tư mới nhằm đa dạng hóa nguồn doanh thu và đảm bảo tăng trưởng bền vững, cụ thể các công tác như sau:

- Tăng cường quản lý tài chính, đảm bảo sử dụng vốn linh hoạt, hiệu quả, và tuân thủ các quy định pháp lý hiện hành, đồng thời tìm kiếm cơ hội đầu tư mang lại lợi nhuận bền vững.
- Tăng cường tối ưu hóa các khoản chi tiêu, giảm thiểu chi phí không cần thiết, và sử dụng vốn hợp lý để đảm bảo hiệu quả tài chính.
- Cải thiện đời sống cho nhân viên, đảm bảo chế độ tiền lương, thưởng và bảo hiểm hợp lý, đồng thời nâng cao năng lực của đội ngũ nhân lực để đóng góp hiệu quả vào sự phát triển chung của Công ty trong bối cảnh nền kinh tế ngày càng cạnh tranh.

PHẦN 5

QUẢN TRỊ CÔNG TY

- 46 Hội đồng quản trị
- 49 Ban Kiểm soát
- 52 Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty
- 53 Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Giám Đốc và Ban Kiểm soát.



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

THÀNH PHẦN VÀ CƠ CẤU HĐQT

Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
Phạm Ngọc Tuấn	Chủ tịch HĐQT	47.811	0,60%
Nguyễn Mạnh Hùng	Thành viên HĐQT	68.000	0,85% (vợ - 0,51%)
Đặng Duy Hợp	Thành viên HĐQT – Kiểm Giám đốc	33.600	0,42%
Phạm Trung Kiên	Thành viên HĐQT	0	0%
Vũ Thái Hà	Thành viên HĐQT	0	0%

Thông tin của Ông Đặng Duy Hợp xem tại mục Lý lịch BDH

01

Ông Phạm Ngọc Tuấn
Chủ tịch HĐQT

Ngày sinh : 13/11/1952
 Nơi sinh : TP. Biên Hòa – Tỉnh Đồng Nai
 CMND/CCCD số : 075052002909
 Quốc tịch : Việt Nam
 Trình độ chuyên môn : Tiến sỹ Quản trị kinh doanh
 Chức vụ tại các tổ chức khác : Chủ tịch HĐQT Công ty trách nhiệm hữu hạn Sacom – Chíp Săng

02

Ông Nguyễn Mạnh Hùng
Thành viên HĐQT

Ngày sinh : 03/06/1943
 Nơi sinh : TP. Biên Hòa – Đồng Nai
 CMND/CCCD số : 075043003927
 Quốc tịch : Việt Nam
 Trình độ chuyên môn : Tiến Sĩ Sử Học
 Chức vụ tại các tổ chức khác : Viện Trưởng Viện Nghiên Cứu Việt Nam Học



03

Ông Phạm Trung Kiên
Thành viên HĐQT

Ngày sinh : 27/09/1975
 Nơi sinh : TP. HCM
 CMND/CCCD số : 079075036253
 Quốc tịch : Việt Nam
 Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ Quản lý Dự Án
 Chức vụ tại các tổ chức khác : Phó Tổng Giám đốc Liên Hiệp HTX TM TP.HCM (SGC)
 Tổng Giám đốc Công ty CP Đầu Tư Phát Triển Saigon Co.op (SCID)

04

Ông Vũ Thái Hà
Thành viên HĐQT

Ngày sinh : 05/03/1981
 Nơi sinh : Hà Nội
 CMND/CCCD số : 001081043007
 Quốc tịch : Việt Nam
 Trình độ chuyên môn : Tài chính – Ngân hàng
 Chức vụ tại các tổ chức khác : Phó Giám đốc vận hành kiêm nhiệm Giám đốc tài chính Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên P.M Quỳnh Lâm

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ: Không có

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đánh giá hoạt động của HĐQT trong năm

Trong năm 2024, HĐQT đã thực hiện xuất sắc vai trò giám sát và chỉ đạo, đặc biệt là trong việc theo dõi hiệu quả công tác quản trị và tuân thủ pháp luật của Công ty. HĐQT đã chủ động tổ chức các cuộc họp, ban hành các Nghị quyết và Quyết định một cách kịp thời và phù hợp, điều chỉnh mục tiêu sao cho phù hợp với bối cảnh kinh tế chung và tình hình thực tế của Công ty. Tất cả các thành viên HĐQT đều chủ động tham gia vào quá trình giám sát hoạt động kinh doanh, giám sát việc tuân thủ các quy định pháp lý, đảm bảo Công ty luôn công bố thông tin đầy đủ, chính xác và kịp thời cho cổ đông, cơ quan quản lý và các bên liên quan.

Bên cạnh đó, HĐQT chủ động hực hiện quản lý nguồn vốn hiệu quả, xử lý linh hoạt các vấn đề liên quan đến việc khai thác và vận hành toà nhà cho thuê, giúp Công ty đạt kết quả kinh doanh khả quan. Trong suốt quá trình kinh doanh và đầu tư, HĐQT luôn thực hiện thẩm quyền với tinh thần trách nhiệm cao, đồng thời tuân thủ chiến lược kinh doanh mà Công ty đã đề ra.

Số lượng các cuộc họp HĐQT

Thành viên	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
Phạm Ngọc Tuấn	Chủ tịch HĐQT	7/7	100%	-
Nguyễn Mạnh Hùng	Thành viên HĐQT - Kiêm Giám đốc	7/7	100%	-
Đặng Duy Hợp	Thành viên HĐQT	7/7	100%	-
Phạm Trung Kiên	Thành viên HĐQT	7/7	100%	-
Vũ Thái Hà	Thành viên HĐQT	7/7	100%	-



Nội dung và kết quả của các cuộc họp

Hội đồng quản trị đã tổ chức 7 phiên họp, nội dung cụ thể các phiên họp và Nghị quyết được ban hành tương ứng như sau:

STT	Số NQ	Ngày	Nội dung
1	01/2024/ NQ-HĐQT	20/01/2024	1. Thông qua báo cáo kết quả kinh doanh năm 2023 (tạm thời) của Công ty Cổ phần Chíp Sáng: <ul style="list-style-type: none"> Doanh thu: 9.162.518.681 VNĐ; Lợi nhuận trước thuế: 13.409.202.327 VNĐ. 2. Thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2024 của Công ty Cổ phần Chíp Sáng với: <ul style="list-style-type: none"> Doanh thu: 9,8 tỷ đồng; Lợi nhuận trước thuế: 8,1 tỷ đồng. 3. Thông qua kế hoạch Hội nghị Diên Hồng năm 2024.
2	02/2024/ NQ-HĐQT	22/03/2024	1. Thống nhất thời gian tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm tài chính 2023. <ul style="list-style-type: none"> Ngày tổ chức Đại hội: lúc 09h00, thứ Bảy, ngày 01/06/2024. Ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu để tham dự họp Đại hội: 26/04/2024. 2. Thống nhất trích quỹ dự trữ 5% từ Lợi nhuận sau thuế, tương đương 155.000.000 VNĐ. 3. Thống nhất trình Đại hội cổ đông năm 2024, tỷ lệ cổ tức năm 2023 là 4% trên Vốn điều lệ. 4. Thống nhất trình ĐHCĐ đóng cổ phiếu quỹ giảm Vốn điều lệ. 5. Thông qua Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm 2023. <ul style="list-style-type: none"> Doanh thu: 9.153.259.422 VNĐ; Lợi nhuận trước thuế: 9.914.702.330 VNĐ
3	03/2024/ NQ-HĐQT	17/05/2024	1. Thống nhất không trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 Điều 4 của nghị quyết 02/2024/NQ-HĐQT ngày 22/03/2024. 2. Thông qua chủ trương đầu tư Công ty TNHH Saolatek. 3. Thống nhất phương án tổ chức Đại hội đồng cổ đông năm 2024.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Nội dung và kết quả của các cuộc họp

STT	Số NQ	Ngày	Nội dung
4	04/2024/ NQ-HĐQT	07/06/2024	<ol style="list-style-type: none"> Trả cổ tức năm 2023 bằng tiền mặt với tỷ lệ 4%/Vốn điều lệ (trên tổng số cổ phiếu đang lưu hành theo mệnh giá 10.000 đ) như sau: <ul style="list-style-type: none"> Tên chứng khoán: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Chíp Sáng Mã chứng khoán: CCS Tỷ lệ thực hiện: 4%/cổ phiếu phổ thông (người sở hữu 01 cổ phiếu được nhận 400 đồng) Ngày đăng ký cuối cùng: 15/07/2024 Ngày thanh toán: 31/07/2024 Giao Giám đốc Công ty tổ chức thực hiện việc chi trả cổ tức nói trên.
5	05/2024/NQ- HĐQT	08/08/2024	<ol style="list-style-type: none"> Thông qua báo cáo kết quả kinh doanh 06 tháng đầu năm 2024 của CCS: <ul style="list-style-type: none"> Tổng doanh thu: 5.285.871.732 VNĐ Lợi nhuận trước thuế: 3.674.419.274 VNĐ Thông qua dự kiến thực hiện 6 tháng cuối năm 2024: <ul style="list-style-type: none"> Tổng doanh thu: trên 9,8 tỷ, đạt 100% kế hoạch 2024; Lợi nhuận trước thuế: 8,1 tỷ, đạt 100% kế hoạch 2024.
6	06/2024/NQ- HĐQT	12/12/2024	Thông qua việc lựa chọn Chi nhánh Công ty TNHH Hàng Kiểm toán AASC, thực hiện soát xét Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính riêng năm 2024 và báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính hợp nhất năm 2024 cho Công ty Cổ phần Chíp Sáng.
7	07/2024/NQ- HĐQT	17/12/2024	<ol style="list-style-type: none"> Thông qua ước thực hiện kết quả kinh doanh năm 2024 của Công ty Cổ phần Chíp Sáng với: <ul style="list-style-type: none"> Doanh thu: 10,5 tỷ đồng Lợi nhuận trước thuế: 9,2 tỷ đồng Thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2025 của Công ty Cổ phần Chíp Sáng với: <ul style="list-style-type: none"> Doanh thu: 9,8 tỷ đồng Lợi nhuận trước thuế: 8,1 tỷ đồng Thông qua việc thực hiện mua cổ phiếu với giá trị 4 tỷ đồng. Tuyển sớm nhân viên kinh doanh trước tháng 02/2025.

HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỘC LẬP: Không có

BAN KIỂM SOÁT

THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU CỦA BAN KIỂM SOÁT

Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
Lê Thị Anh Đào	Trưởng BKS	8.000	0.10%
Ngô Quốc Hùng	Thành viên BKS	4.000	0.05%
Tấn Lộc Louis	Thành viên BKS	8.800	0.11%

01

Bà Lê Thị Anh Đào
Trưởng BKS

Ngày sinh	:	04/04/1977
Nơi sinh	:	Nam Định
CMND/CCCD số	:	023380921
Quốc tịch	:	Việt Nam
Trình độ chuyên môn	:	Thạc sĩ MBA chuyên ngành Tài Chính
Chức vụ tại các tổ chức khác	:	Trưởng Phòng Tài Chính Công ty Cổ phần Sun – O Organic

02

Ông Ngô Quốc Hùng
Thành viên BKS

Ngày sinh	:	12/06/1969
Nơi sinh	:	Hà Nội
CMND/CCCD số	:	022101165
Quốc tịch	:	Việt Nam
Trình độ chuyên môn	:	Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh
Chức vụ tại các tổ chức khác	:	Không có

03

Ông Tấn Lộc Louis
Thành viên BKS

Ngày sinh	:	14/09/1983
Nơi sinh	:	TP.HCM
CMND/CCCD số	:	079083010693
Quốc tịch	:	Việt Nam
Trình độ chuyên môn	:	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh
Chức vụ tại các tổ chức khác	:	Không có

BAN KIỂM SOÁT

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Giám đốc và cổ đông:

Giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị

BKS đã trực tiếp giám sát hoạt động của HĐQT thông qua các cuộc họp của Hội đồng Quản trị, theo dõi và nắm bắt quy trình tổ chức các cuộc họp cũng như cách thức ban hành Nghị quyết của HĐQT. Cụ thể, BKS đã thực hiện giám sát tính hợp lệ và hợp pháp đối với các thủ tục, quy trình chuẩn bị cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024, đồng thời thực hiện báo cáo tại ĐHĐCĐ về việc giám sát và kiểm tra HĐQT trong việc thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2023. Ngoài ra, BKS cũng giám sát các hoạt động nhằm đảm bảo công ty tuân thủ pháp luật và quy định quản lý nội bộ, tham gia vào các cuộc thảo luận và đưa ra các kiến nghị về công tác quản trị, tài chính của công ty.

Giám sát hoạt động của Ban Giám đốc:

BKS thực hiện giám sát thông qua việc chấp hành các Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông và HĐQT thông qua các cuộc họp định kỳ và bất thường. BKS cũng thực hiện kiểm tra định kỳ và bất thường về tính hợp lý, hợp pháp và mức độ cần trọng trong hoạt động quản lý và điều hành của Ban Giám đốc. Việc thẩm tra Báo cáo kinh doanh và chi phí hàng quý, cũng như Báo cáo tài chính năm, nhằm đánh giá tính trung thực và hợp lý của các số liệu tài chính, đảm bảo tuân thủ các chuẩn mực kế toán và quy định pháp luật hiện hành cũng là một phần quan trọng trong công tác giám sát BKS. Thêm vào đó, BKS chủ động tìm kiếm và đề xuất cơ hội đầu tư, hợp tác, giới thiệu nhà đầu tư tiềm năng, và góp ý với Ban Giám đốc về các hoạt động kinh doanh.

Giải quyết các kiến nghị của cổ đông đối với Công ty:

Đối với kiến nghị của cổ đông, trong năm 2024, BKS không nhận được bất kỳ yêu cầu hay khiếu nại nào từ cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định của Điều lệ Công ty yêu cầu xem xét về hoạt động kinh doanh của Công ty hoặc việc điều hành của HĐQT và Ban Giám đốc.

Số lượng các cuộc họp BKS

Thành viên	Chức vụ	Số buổi họp BSK tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
Lê Thị Anh Đào	Trưởng BKS	4/4	100%	-
Ngô Quốc Hùng	Thành viên BKS	4/4	100%	-
Tấn Lộc Louis	Thành viên BKS	4/4	100%	-

ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chíp Sáng luôn nỗ lực tuân thủ các quy định pháp luật liên quan đến quản trị công ty, đặc biệt là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, Luật Chứng khoán 54/2019/QH14 và Nghị định số 155/2020/NĐ-CP. Công ty đã chủ động xây dựng Quy chế công bố thông tin, đảm bảo việc công bố kịp thời các thông tin định kỳ hoặc bất thường theo đúng quy định pháp luật về chứng khoán.

Sau khi được chấp thuận đăng ký giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, công ty đã lập kế hoạch tăng cường công tác quản trị trong thời gian tới, với những biện pháp cụ thể để cải thiện và nâng cao hiệu quả quản trị công ty.

- **Tiếp tục duy trì và phát huy quy chế phân cấp:** HĐQT sẽ tiếp tục thực hiện phân cấp quyền hạn để tăng tính chủ động và trách nhiệm của Ban Giám đốc, đồng thời khoán quỹ lương theo doanh thu, giúp thu nhập của người lao động gắn liền với hiệu quả công tác. Công ty cũng sẽ thường xuyên hiệu chỉnh quy chế và bình xét trả lương theo hiệu quả công việc.
- **Chú trọng thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT:** HĐQT sẽ chỉ đạo Ban Giám đốc thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết và Quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT, đồng thời phối hợp xử lý các vấn đề còn tồn đọng trong công tác quản lý.
- **Rà soát, điều chỉnh mô hình tổ chức và cơ chế quản lý:** Công ty sẽ thực hiện rà soát và điều chỉnh lại mô hình tổ chức, cải tiến cơ chế quản lý các đơn vị trực thuộc, đồng thời tổ chức đào tạo nhân sự để tăng cường hiệu quả hoạt động.
- **Bảo vệ quyền lợi cổ đông và người lao động:** Công ty sẽ tăng cường quan hệ với cổ đông, bảo vệ quyền lợi hợp pháp của họ, đồng thời cải thiện điều kiện làm việc và quyền lợi của người lao động.
- **Xây dựng kế hoạch kế nhiệm và đào tạo lãnh đạo:** Công ty sẽ tiếp tục xây dựng các chương trình đào tạo và kế hoạch kế nhiệm cho các thành viên HĐQT, Ban Giám đốc và các vị trí lãnh đạo chủ chốt khác.
- **Cập nhật chuẩn mực quản trị quốc tế:** Công ty cam kết cập nhật thường xuyên các kiến thức và thực tiễn quản trị công ty minh bạch, học hỏi từ thông lệ quốc tế để nâng cao chuẩn mực quản trị công ty.
- **Giám sát và giải quyết các vấn đề tồn đọng:** Ban Điều hành Công ty sẽ thường xuyên giám sát, định kỳ tổ chức các cuộc họp để giải quyết kịp thời những vấn đề còn tồn đọng, đồng thời quản lý tài chính hiệu quả.

Những bước đi này sẽ giúp công ty tiếp tục nâng cao hiệu quả quản trị và đảm bảo sự phát triển bền vững trong tương lai, đồng thời tạo ra một môi trường minh bạch, chuyên nghiệp, mang lại giá trị lâu dài cho các cổ đông và người lao động.

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT



LƯƠNG, THƯỞNG, THÙ LAO, CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

STT	Họ và tên	Chức danh	Tổng thu nhập
1	Phạm Ngọc Tuấn	Chủ tịch HĐQT	63.227.000
2	Đặng Duy Hợp	Thành viên HĐQT/ Giám đốc	479.208.086
3	Nguyễn Mạnh Hùng	Thành viên HĐQT	20.691.000
4	Phạm Trung Kiên	Thành viên HĐQT	22.691.000
5	Vũ Thái Hà	Thành viên HĐQT	45.382.000
6	Lê Thị Anh Đào	Trưởng BKS	19.691.000
7	Ngô Quốc Hùng	Thành viên BKS	19.691.000
8	Tấn Lộc Louis	Thành viên BKS	26.691.000

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA NGƯỜI NỘI BỘ: Không có

HỢP ĐỒNG HOẶC GIAO DỊCH VỚI NGƯỜI NỘI BỘ

Giao dịch giữa người nội bộ công ty, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát: Không có.

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

HỢP ĐỒNG HOẶC GIAO DỊCH VỚI NGƯỜI NỘI BỘ

Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ:

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT thông qua	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch	Ghi chú
1	Ông Phạm Ngọc Tuấn	Người nội bộ	075052002909, 11/08/2021, Cục CSQLHC về TTXH	125D Nguyễn Đình Chiểu, Phường 6, Quận 3, TP. HCM	Năm 2024	04/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 17/06/2023; Nghị quyết ĐHĐCĐ ngày 01/06/2024.	35.271.400 đồng	Thù lao HĐQT năm 2023 còn lại và năm 2024
2	Ông Đặng Duy Hợp	Người nội bộ	079065023251, 13/06/2022, Cục CSQLHC về TTXH	332/42/1B Phan Văn Trị, P11, Quận Bình Thạnh, TP.HCM	Năm 2024	04/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 17/06/2023; Nghị quyết ĐHĐCĐ ngày 01/06/2024.	189.051.335 đồng	Thù lao HĐQT năm 2023 còn lại và năm 2024; Lương từ tháng 1/2024 - 6/2024
3	Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Người nội bộ	075043003927, 15/08/2021, Cục CSQLHC về TTXH	10 Lê Ngô Cát, P. Võ Thị Sáu, Quận 3, TP.HCM	Năm 2024	04/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 17/06/2023; Nghị quyết ĐHĐCĐ ngày 01/06/2024.	22.157.000 đồng	Thù lao HĐQT năm 2023 còn lại và năm 2024
4	Ông Vũ Thái Hà	Người nội bộ	001081043007, 21/12/2021, Cục CSQLHC về TTXH	67/2 Hoàng Hoa Thám, P6, Quận Bình Thạnh, TP.HCM	Năm 2024	04/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 17/06/2023; Nghị quyết ĐHĐCĐ ngày 01/06/2024.	27.857.300 đồng	Thù lao HĐQT năm 2023 còn lại và năm 2024
5	Ông Phạm Trung Kiên	Người nội bộ	079075036253, 03/05/2022, Cục CSQLHC về TTXH	47 Phạm Ngọc Thạch, Phường 6, Quận 3, TP.HCM	Năm 2024	04/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 17/06/2023; Nghị quyết ĐHĐCĐ ngày 01/06/2024.	12.728.200 đồng	Thù lao HĐQT năm 2023 còn lại và năm 2024
6	Bà Lê Thị Anh Đào	Người nội bộ	023380921, 27/12/2006, CA Tp Hồ Chí Minh	48 Giang Văn Minh, Phường An Phú, Quận 2, TP.HCM	Năm 2024	04/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 17/06/2023; Nghị quyết ĐHĐCĐ ngày 01/06/2024.	12.791.200 đồng	Thù lao HĐQT năm 2023 còn lại và năm 2024

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

HỢP ĐỒNG HOẶC GIAO DỊCH VỚI NGƯỜI NỘI BỘ

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT thông qua	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch	Ghi chú
7	Ông Tấn Lộc Louis	Người nội bộ	079083010693, 04/07/2018, Cục CSQLHC về TTXH	Số 106 lô G Chung cư Đồng Điều, Phường 4, Quận 8, TP.HCM	Năm 2024	04/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 17/06/2023; Nghị quyết ĐHĐCĐ ngày 01/06/2024.	14.528.200 đồng	Thù lao HĐQT năm 2023 còn lại và năm 2024
8	Ông Ngô Quốc Hùng	Người nội bộ	022101165, 19/03/1998, CA Tp Hồ Chí Minh	183/34 Nguyễn Hữu Cảnh, Phường 22, Quận Bình Thạnh, TP.HCM	Năm 2024	04/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 17/06/2023; Nghị quyết ĐHĐCĐ ngày 01/06/2024.	11.828.200 đồng	Thù lao HĐQT năm 2023 còn lại và năm 2024
9	Bà Vũ Việt Hương	Người nội bộ	001173034167, 30/05/2022, Cục CSQLHC về TTXH	1/6 Hồ Biểu Chánh, Phường 11, Quận Phú Nhuận, TP.HCM	-	-	-	-
10	Công ty TNHH Dịch vụ Thuế Tâm An	Tổ chức có liên quan của người nội bộ	0303519355, 01/10/2004, Sở KH-ĐT TP.HCM	Số 37 Hoàng Văn Thụ, Phường 15, Quận Phú Nhuận, TP.HCM.	Năm 2024	Hợp đồng số: 01/01/2024/ HDDVKT ký ngày 25/12/2023	66.750.000 đồng	Thanh toán phí dịch vụ kế toán trưởng tháng 1/2024 - 5/2024; phí dịch vụ BCTC năm 2023; Phí dịch vụ phần mềm Fast
11	Công ty TNHH Sacom - Chíp Sáng	Công ty liên kết của CCS	0310429832, 22/10/2010, Sở KH&ĐT TP.HCM	Lô T2-4 đường D1, Khu Công Nghệ Cao, Phường Hiệp Phú, TP. Thủ Đức, TP.HCM	Năm 2024	Hợp đồng số SCS/ CHIPSANG/HD001-12/2019 ký ngày 30/11/2019	5.459.801 đồng	Thanh toán phí thuê chỗ ngồi từ tháng 1/2024 - 6/2024
12	Công ty TNHH Sacom - Chíp Sáng	Công ty liên kết của CCS	0310429832, 22/10/2010, Sở KH&ĐT TP.HCM	Lô T2-4 đường D1, Khu Công Nghệ Cao, Phường Hiệp Phú, TP. Thủ Đức, TP.HCM	Năm 2024	Thông báo số: 07/2023/ TB-SCS và 01/2024-SCS về việc tạm ứng và quyết toán phân phối lợi nhuận năm 2023	6.355.125.000 đồng	Nhận phân phối lợi nhuận năm 2023 theo TB số: 7/2023/TB-CSC ngày 21/3/2024

PHẦN 6

BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN

- 60 Báo cáo của Ban Giám đốc
- 62 Báo cáo kiểm toán độc lập
- 64 Bảng cân đối kế toán hợp nhất
- 65 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất
- 66 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất
- 68 Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Chíp Sáng (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chíp Sáng được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký số 0304392302 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 24 tháng 05 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ mười ba ngày 08 tháng 08 năm 2022.

Trụ sở chính của Công ty tại: Lô T2-4 Khu Công nghệ cao, đường D1, phường Hiệp Phú, Tp Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Phạm Ngọc Tuấn	Chủ tịch
Ông Đặng Duy Hợp	Ủy viên
Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Ủy viên
Ông Phạm Trung Kiên	Ủy viên
Ông Vũ Thái Hà	Ủy viên

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Đặng Duy Hợp	Giám đốc
------------------	----------

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Lê Thị Anh Đào	Trưởng ban
Ông Ngô Quốc Hùng	Thành viên
Ông Tuấn Lộc Louis	Thành viên

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất này là ông Đặng Duy Hợp - Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2024, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán và Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/09/2024 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 96/2020/TT-BTC.



Đặng Duy Hợp

Đặng Duy Hợp

Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2025

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Chíp Sáng

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Chíp Sáng được lập ngày 20 tháng 03 năm 2025, từ trang 06 đến trang 36, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chíp Sáng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc báo cáo tài chính hợp nhất đến thuyết minh số 1, trong đó trình bày về việc khoản đầu tư vào Công ty liên kết là Công ty Cổ phần Bán dẫn Việt Nam đang được ghi nhận trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp giá gốc. Vấn đề cần nhấn mạnh này không làm thay đổi ý kiến chấp nhận toàn phần của chúng tôi.

Báo cáo về các yêu cầu khác của pháp luật và các quy định

Theo quy định tại Khoản d, Điều 34, Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về đăng ký giao dịch chứng khoán trên hệ thống giao dịch cho chứng khoán chưa niêm yết (Upcom), theo đó Công ty phải đăng ký giao dịch cổ phiếu trên hệ thống giao dịch cho chứng khoán chưa niêm yết trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xác nhận hoàn tất việc đăng ký công ty đại chúng. Tuy nhiên đến thời điểm kiểm toán, Công ty chưa hoàn tất các thủ tục theo quy định để đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch Upcom.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Ngô Minh Quý

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 2434-2023-002-1

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2025

Đào Trung Thành

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 4700-2024-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		40.507.262.482	29.530.396.830
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	1.496.483.771	1.406.530.426
111	1. Tiền		1.496.483.771	697.544.261
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	708.986.165
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	36.692.057.758	22.309.547.081
121	1. Chứng khoán kinh doanh		2.005.433.675	-
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(66.426.150)	-
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		34.753.050.233	22.309.547.081
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		2.155.328.434	5.614.825.116
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	2.726.813.001	2.714.418.990
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		80.695.090	39.043.891
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	6	1.760.000.000	1.760.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	7	4.026.338.107	7.536.379.999
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(6.438.517.764)	(6.435.017.764)
140	IV. Hàng tồn kho	9	-	1.995.341
141	1. Hàng tồn kho		-	1.089.420.324
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		-	(1.087.424.983)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		163.392.519	197.498.866
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	22.460.499	56.566.846
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		140.932.020	140.932.020
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		48.373.107.262	49.548.598.393
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		4.500.000	922.187.970
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	4.500.000	922.187.970
220	II. Tài sản cố định		-	-
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	-	-
222	- Nguyên giá		188.882.984	188.882.984
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(188.882.984)	(188.882.984)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	-	-
228	- Nguyên giá		57.600.000	57.600.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(57.600.000)	(57.600.000)
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	48.095.188.802	48.356.604.002
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		57.847.188.802	55.103.604.002
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		1.000.000.000	-
254	3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(10.752.000.000)	(10.752.000.000)
255	4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	4.005.000.000
260	VI. Tài sản dài hạn khác		273.418.460	269.806.421
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	273.418.460	269.806.421
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		88.880.369.744	79.078.995.223

BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		6.017.209.009	4.380.366.784
310	I. Nợ ngắn hạn		6.017.209.009	2.515.121.126
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	458.847.658	462.651.507
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		79.626.808	63.126.808
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	974.425.646	655.457.757
314	4. Phải trả người lao động		99.422.246	99.422.246
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	339.186.428	279.512.893
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	16	277.533.867	275.533.869
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	17	3.514.800.083	653.920.006
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		273.366.273	25.496.040
330	II. Nợ dài hạn		-	1.865.245.658
337	1. Phải trả dài hạn khác	17	-	1.865.245.658
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		82.863.160.735	74.698.628.439
410	I. Vốn chủ sở hữu	18	82.863.160.735	74.698.628.439
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		80.290.800.000	80.290.800.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		80.290.800.000	80.290.800.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		374.000.000	374.000.000
415	3. Cổ phiếu quỹ		(11.140.610.000)	(11.140.610.000)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		581.849.623	426.849.623
420	5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		11.984.480	11.984.480
421	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		13.370.905.196	5.361.316.735
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		2.055.837.460	(4.367.472.543)
421b	LNST chưa phân phối năm nay		11.315.067.736	9.728.789.278
429	7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		(625.768.564)	(625.712.399)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		88.880.369.744	79.078.995.223





Đặng Duy Hợp
 Giám đốc
 TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2025

Vũ Việt Hương
 Người lập

Vũ Việt Hương
 Kế toán trưởng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2024

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	10.540.640.995	9.153.259.422
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		10.540.640.995	9.153.259.422
11	4. Giá vốn hàng bán	21	7.598.076.168	7.325.785.231
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		2.942.564.827	1.827.474.191
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	22	8.708.087.903	13.575.111.096
22	7. Chi phí tài chính		66.426.150	253
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		-	-
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		2.743.584.800	(2.760.773.861)
25	9. Chi phí bán hàng	23	22.785.813	64.221.316
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	2.400.061.155	2.081.066.011
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		11.904.964.412	10.496.523.846
31	12. Thu nhập khác	25	32.631.960	196.326.732
32	13. Chi phí khác	26	2.517.369	778.148.248
40	14. Lợi nhuận khác		30.114.591	(581.821.516)
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		11.935.079.003	9.914.702.330
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	27	620.068.874	351.060.427
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		11.315.010.129	9.563.641.903
61	18. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		11.315.067.736	9.728.789.278
62	19. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát		(57.607)	(165.147.375)
70	20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	28	1.636	1.407

Vũ Việt Hương
Người lập

Vũ Việt Hương
Kế toán trưởng

Đặng Duy Hợp
Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2025



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2024

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		11.935.079.003	9.914.702.330
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
03	- Các khoản dự phòng		69.926.150	(18.411.963)
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(286.648)	(189.940)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(11.451.374.251)	(10.071.651.040)
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		553.344.254	(175.550.613)
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(114.636.384)	(19.347.311)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		1.995.341	18.771.963
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		81.664.745	1.040.941.364
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		30.494.308	(44.915.091)
13	- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh		(2.005.433.675)	-
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(351.060.427)	-
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(136.600.000)	(2.000.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(1.940.231.838)	817.900.312
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
23	1. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(27.129.465.747)	(15.339.542.797)
24	2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		18.690.962.595	6.939.658.550
25	3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(1.000.000.000)	-
27	4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		13.196.110.487	8.543.970.635
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		3.757.607.335	144.086.388
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
36	1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(1.727.708.800)	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(1.727.708.800)	-
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		89.666.697	961.986.700
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		1.406.530.426	444.353.786
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		286.648	189.940
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	1.496.483.771	1.406.530.426

Vũ Việt Hương
Người lập

Vũ Việt Hương
Kế toán trưởng

Đặng Duy Hợp
Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2025



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2024

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chíp Sáng được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký số 0304392302 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 24 tháng 05 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ mười ba ngày 08 tháng 08 năm 2022.

Trụ sở chính của Công ty tại: Lô T2-4 Khu Công nghệ cao, đường D1, phường Hiệp Phú, Tp Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 80.290.800.000 VND, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 80.290.800.000 VND; tương đương 8.029.080 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là: 05 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2024 là: 04 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Kinh doanh mua bán các thiết bị điện tử, cho thuê văn phòng.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Cho thuê văn phòng.

Cấu trúc Tập đoàn

Công ty có công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2024 bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH Chíp Sáng và Ashmanov	Thành phố Hồ Chí Minh	77,77%	77,77%	Kinh doanh dịch vụ Noron và thiết kế website

Công ty có công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu trên Báo cáo tài chính hợp nhất tại thời điểm 31/12/2024 bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH Sacom - Chíp sáng	Thành phố Hồ Chí Minh	26,25%	26,25%	Kinh doanh Bất động sản và cho thuê văn phòng

Công ty có công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính hợp nhất tại thời điểm 31/12/2024 bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Bán dẫn Việt Nam	Thành phố Hồ Chí Minh	38,00%	38,00%	Thiết kế và sản xuất các sản phẩm Digital

Lý do: Công ty Cổ phần Bán dẫn Việt Nam đang tạm ngừng kinh doanh.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của công ty con do Công ty kiểm soát (công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của công ty này.

Báo cáo tài chính của công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và công ty con.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty.

2.4 . Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm:

- Dự phòng phải thu khó đòi
- Ước tính phân bổ chi phí trả trước
- Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định
- Phân loại và dự phòng các khoản đầu tư tài chính
- Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp

Các ước tính và giá định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giá định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và được Ban Giám đốc Công ty đánh giá là hợp lý.

2.5 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

2.6 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

2.7 . Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.8 . Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Khi thanh lý hoặc nhượng bán, giá vốn của chứng khoán kinh doanh được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Trong Báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Tập đoàn không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Tập đoàn. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

Riêng đối với Công ty Cổ phần Bán dẫn Việt Nam, do công ty đang tạm ngừng hoạt động nên khoản đầu tư vào công ty này vẫn được phản ánh theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.9 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính hợp nhất căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.10 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Nếu các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Máy móc, thiết bị	10 - 20 năm
- Phần mềm quản lý	05 năm

2.11 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.12 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 01 đến 03 năm.
- Chi phí sửa chữa lớn và chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng.

2.13 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.14 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.15 . Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

2.16 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty mua lại trước ngày hiệu lực của Luật chứng khoán 2019 (ngày 01 tháng 01 năm 2021) nhưng chưa bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ mua sau ngày 01 tháng 01 năm 2021 sẽ được hủy bỏ và điều chỉnh giảm vốn chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

2.17 . Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

Doanh thu cung cấp dịch vụ

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.18 . Giá vốn dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm, được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, chi phí nhân công và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, dự phòng giảm giá hàng tồn kho, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan... được ghi nhận đầy đủ và kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

2.19 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm: chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.20 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN.

2.21 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.22 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.23 . Thông tin bộ phận

Do hoạt động kinh doanh của Công ty từ hoạt động chủ yếu là cho thuê văn phòng và phát sinh tại thành phố Hồ Chí Minh nên Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

3 . TIỀN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tiền mặt	25.529.969	19.205.617
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.470.953.802	678.338.644
Các khoản tương đương tiền	-	708.986.165
	1.496.483.771	1.406.530.426

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND		VND
Đầu tư ngắn hạn	34.753.050.233	-	22.309.547.081	-
- Tiền gửi có kỳ hạn	27.467.050.233	-	21.209.547.081	-
(1)				
- Trái phiếu (2)	7.286.000.000	-	1.100.000.000	-
Đầu tư dài hạn	-	-	4.005.000.000	-
- Tiền gửi có kỳ hạn	-	-	4.005.000.000	-
	34.753.050.233	-	26.314.547.081	-

(1) Tại ngày 31/12/2024, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn là tiền gửi có kỳ hạn còn lại từ 01 tháng đến 11 tháng có giá trị là 27.467.050.233 VND được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 2,8%/năm đến 7,1%/năm.

(2) Số dư trái phiếu tại thời điểm 31/12/2024 liên quan đến các hợp đồng chuyển nhượng trái phiếu sau:

(2.1) Hợp đồng chuyển nhượng Trái phiếu số 014809/PKDSGH2023001/3M ngày 31/08/2023 với các điều khoản chi tiết sau:

- Nhà phát hành: Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong;
- Số lượng: 11.000 trái phiếu;
- Mệnh giá: 100.000 VND/trái phiếu;
- Ngày phát hành: 31/12/2020;
- Ngày đáo hạn: 25/12/2025;
- Lãi suất: 10,1%/năm;
- Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 1.100.000.000 VND.

(2.2) Hợp đồng chuyển nhượng Trái phiếu số 026017/PKDSGH2023001/12M ngày 12/03/2024 với các điều khoản chi tiết sau:

- Nhà phát hành: Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong;
- Số lượng: 12.860 trái phiếu;
- Mệnh giá: 100.000 VND/trái phiếu;
- Ngày phát hành: 31/12/2020;
- Ngày đáo hạn: 31/12/2025;
- Lãi suất: 8,5%/năm;
- Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 1.286.000.000 VND.

(2.3) Hợp đồng chuyển nhượng Trái phiếu số 026474/PKDSGH2023001/9M ngày 18/03/2024 với các điều khoản chi tiết sau:

- Nhà phát hành: Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong;
- Số lượng: 12.000 trái phiếu;
- Mệnh giá: 100.000 VND/trái phiếu;
- Ngày phát hành: 31/12/2020;
- Ngày đáo hạn: 31/12/2025;
- Lãi suất: 8,2%/năm;
- Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 1.200.000.000 VND.

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(2.4) Hợp đồng chuyển nhượng Trái phiếu số 026473/PKDSGH2023001/9M ngày 18/03/2024 với các điều khoản chi tiết sau:

- Nhà phát hành: Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong;
- Số lượng: 13.000 trái phiếu;
- Mệnh giá: 100.000 VND/trái phiếu;
- Ngày phát hành: 31/12/2020;
- Ngày đáo hạn: 31/12/2025;
- Lãi suất: 8,2%/năm;
- Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 1.300.000.000 VND.

(2.5) Hợp đồng chuyển nhượng Trái phiếu số 028324/PKDSGH2023001/6M ngày 19/04/2024 với các điều khoản chi tiết sau:

- Nhà phát hành: Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong;
- Số lượng: 24.000 trái phiếu;
- Mệnh giá: 100.000 VND/trái phiếu;
- Ngày phát hành: 31/12/2020;
- Ngày đáo hạn: 31/12/2025;
- Lãi suất: 8%/năm;
- Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 2.400.000.000 VND.

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Công ty Cổ phần Chíp Sáng
Lô T2-4 Khu Công nghệ cao, đường D1, phường Hiệp Phú, Tp Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

b) Chứng khoán kinh doanh

Mã CK	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Tổng giá trị cổ phiếu				
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu ⁽¹⁾ ACB	202.403.150	206.400.000	-	-
Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam ⁽¹⁾ VNM	1.366.126.150	1.299.700.000	(66.426.150)	-
Công ty Cổ phần Đường Quảng Ngãi ⁽²⁾ QNS	436.904.375	450.000.000	-	-
	2.005.433.675	1.956.100.000	(66.426.150)	-

(1) Giá trị hợp lý của các chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá đóng cửa trên sàn HOSE tại ngày 31/12/2024.

(2) Chứng khoán kinh doanh niêm yết trên sàn UpCom, biến động thường xuyên theo giá trị thị trường và giá trị của chúng có thể được xác định một cách đáng tin cậy, giá trị hợp lý là giá đóng cửa trên thị trường tại thời điểm cuối năm lập Báo cáo tài chính.

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Bên liên quan	2.315.128.251	(2.315.128.251)	2.315.128.251	(2.315.128.251)
Công ty Cổ phần Bán dẫn Việt Nam	2.315.128.251	(2.315.128.251)	2.315.128.251	(2.315.128.251)
Bên khác	411.684.750	(320.553.848)	399.290.739	(320.553.848)
Công ty Cổ phần Thương mại Điện tử Lingo	44.083.051	(44.083.051)	44.083.051	(44.083.051)
Công ty TNHH Home Shopping Việt Nam	42.000.020	(42.000.020)	42.000.020	(42.000.020)
Phải thu khách hàng khác	325.601.679	(234.470.777)	313.207.668	(234.470.777)
	2.726.813.001	(2.635.682.099)	2.714.418.990	(2.635.682.099)

6 . PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Bên liên quan				
Công ty Cổ phần Bán dẫn Việt Nam	1.760.000.000	(1.760.000.000)	1.760.000.000	(1.760.000.000)
	1.760.000.000	(1.760.000.000)	1.760.000.000	(1.760.000.000)

7 . PHẢI THU KHÁC

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
a.1) Chi tiết theo nội dung				
Phải thu về lợi nhuận được chia	10.250.000	-	4.200.000.000	-
Phải thu về lãi tiền gửi, cho vay	875.223.568	-	1.173.794.604	-
Phải thu người lao động	852.426.332	(852.426.332)	852.426.332	(852.426.332)
Tạm ứng	1.600.000	(500.000)	51.600.000	(500.000)
Ký cược, ký quỹ	920.597.970	-	18.210.000	-
Phải thu Thuế nhà thầu nước ngoài	279.573.333	(279.573.333)	279.573.333	(279.573.333)
Phải thu khác	1.086.666.904	(891.816.000)	960.775.730	(888.316.000)
	4.026.338.107	(2.024.315.665)	7.536.379.999	(2.020.815.665)
a.2) Chi tiết theo đối tượng				
Bên liên quan	861.900.000	(861.900.000)	5.061.900.000	(861.900.000)
Công ty Cổ phần Bán dẫn Việt Nam	861.900.000	(861.900.000)	861.900.000	(861.900.000)
Công ty TNHH Sacom Chíp Sáng	-	-	4.200.000.000	-
Bên khác	3.164.438.107	(1.162.415.665)	2.474.479.999	(1.158.915.665)
Phải thu Thuế nhà thầu nước ngoài	279.573.333	(279.573.333)	279.573.333	(279.573.333)
Hứa Công Nghiệp	318.061.485	(318.061.485)	318.061.485	(318.061.485)
Trần Thị Thanh Phương	261.207.191	(261.207.191)	261.207.191	(261.207.191)
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Sài Gòn Coop	917.687.970	-	-	-
Các đối tượng khác	1.387.908.128	(303.573.656)	1.615.637.990	(300.073.656)
	4.026.338.107	(2.024.315.665)	7.536.379.999	(2.020.815.665)

7 . PHẢI THU KHÁC (tiếp theo)

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
b) Dài hạn				
b.1) Chi tiết theo nội dung				
Ký cược, ký quỹ	4.500.000	-	922.187.970	-
	<u>4.500.000</u>	<u>-</u>	<u>922.187.970</u>	<u>-</u>
b.2) Chi tiết theo đối tượng				
Bên liên quan	4.500.000	-	4.500.000	-
Công ty TNHH Sacom - Chíp Sáng	4.500.000	-	4.500.000	-
Bên khác	-	-	917.687.970	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Sài Gòn Coop	-	-	917.687.970	-
	<u>4.500.000</u>	<u>-</u>	<u>922.187.970</u>	<u>-</u>

8 . NỢ XẤU

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
Phải thu của khách hàng	2.635.682.099	-	2.635.682.099	-
- Công ty Cổ phần Bán dẫn Việt Nam	2.315.128.251	-	2.315.128.251	-
- Công ty Cổ phần Thương mại Điện tử Lingo	44.083.051	-	44.083.051	-
- Công ty TNHH Home Shopping Việt Nam	42.000.020	-	42.000.020	-
- Các đối tượng khác	234.470.777	-	234.470.777	-
Trả trước cho người bán	18.520.000	-	18.520.000	-
- Trung tâm Nghiên cứu Triển khai Khu Công nghệ cao	18.520.000	-	18.520.000	-
Phải thu về cho vay	1.760.000.000	-	1.760.000.000	-
- Công ty Cổ phần Bán dẫn Việt Nam	1.760.000.000	-	1.760.000.000	-
Phải thu khác	2.024.315.665	-	2.020.815.665	-
- Công ty Cổ phần Bán dẫn Việt Nam	861.900.000	-	861.900.000	-
- Tiền thuê nhà thầu phải thu Ashmanov & Partners	279.573.333	-	279.573.333	-
- Hứa Công Nghiệp	318.061.485	-	318.061.485	-
- Trần Thị Thanh Phương	261.207.191	-	261.207.191	-
- Vũ Khái Hưng	138.000.000	-	138.000.000	-
- Các đối tượng khác	165.573.656	-	162.073.656	-
	<u>6.438.517.764</u>	<u>-</u>	<u>6.435.017.764</u>	<u>-</u>

9 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công cụ, dụng cụ	-	-	1.995.341	-
Hàng hoá	-	-	1.067.338.752	(1.067.338.752)
Hàng gửi đi bán	-	-	20.086.231	(20.086.231)
	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>1.089.420.324</u>	<u>(1.087.424.983)</u>

10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Tài sản cố định hữu hình là máy móc thiết bị đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế đến ngày 31/12/2024 là 188.882.984 VND.

11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình là phần mềm máy tính đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế tại 31/12/2024 là 57.600.000 VND.

12 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	971.667	12.568.032
Phí hoa hồng môi giới	-	21.991.058
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	21.488.832	22.007.756
	22.460.499	56.566.846
b) Dài hạn		
Chi phí sửa chữa lớn	113.887.147	165.160.461
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	72.723.755	93.278.960
Chi phí trả trước dài hạn khác	86.807.558	11.367.000
	273.418.460	269.806.421

13 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Bên khác				
Công ty Cổ phần Maremono	425.717.407	425.717.407	425.717.407	425.717.407
Phải trả các đối tượng khác	33.130.251	33.130.251	36.934.100	36.934.100
	458.847.658	458.847.658	462.651.507	462.651.507
Số nợ quá hạn chưa thanh toán				
Công ty Cổ phần Maremono	425.717.407	425.717.407	425.717.407	425.717.407
	425.717.407	425.717.407	425.717.407	425.717.407

Công ty Cổ phần Chíp Sáng
Lô T2-4 Khu Công nghệ cao, đường D1, phường Hiệp Phú, Tp Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

14 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp đầu năm		Số đã thực nộp trong năm		Số phải thu cuối năm		Số phải nộp cuối năm	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Thuế Giá trị gia tăng	-	22.577.394	257.218.420	229.978.266	-	49.817.548				
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	273.753.333	620.068.874	351.060.427	-	542.761.780				
Thuế Thu nhập cá nhân	-	8.749.224	115.296.585	92.577.297	-	31.468.512				
Các loại thuế khác	-	350.377.806	4.000.000	4.000.000	-	350.377.806				
	-	655.457.757	996.583.879	677.615.990	-	974.425.646				

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

15 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Trích trước chi phí tiền điện, nước	76.586.428	74.013.893
Trích trước chi phí thù lao của HĐQT, BKS và Thư ký	193.000.000	145.499.000
Chi phí phải trả khác	69.600.000	60.000.000
	339.186.428	279.512.893

16 . DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Doanh thu cho thuê mặt bằng nhận tiền trước	277.533.867	275.533.869
	277.533.867	275.533.869

17 . PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
a.1) Chi tiết theo nội dung		
- Kinh phí công đoàn	19.989.000	19.989.000
- Bảo hiểm xã hội	-	4.595.442
- Bảo hiểm y tế	-	6.361.065
- Bảo hiểm thất nghiệp	-	4.068.874
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	2.096.435.658	258.829.000
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.321.113.900	282.815.100
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	77.261.525	77.261.525
	3.514.800.083	653.920.006
a.2) Chi tiết theo đối tượng		
- Chi nhánh Công ty TNHH Hanatour Việt Nam - Trung tâm Korea Visa Application tại TP. Hồ Chí Minh	1.081.321.098	-
- Công ty TNHH Ning Sing Logistics	519.860.000	-
- Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong	21.461.172	21.461.172
- Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Tư vấn M&L	90.000.000	90.000.000
- Công ty TNHH Freewill Solutions Việt Nam	9.000.000	62.829.000
- Công ty TNHH Tấn Hội	48.000.000	48.000.000
- Các đối tượng khác	1.745.157.813	431.629.834
	3.514.800.083	653.920.006
b) Dài hạn		
b.1) Chi tiết theo nội dung		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	-	1.865.245.658
	-	1.865.245.658
b.2) Chi tiết theo đối tượng		
- Chi nhánh Công ty TNHH Hanatour Việt Nam - Trung tâm Korea Visa Application tại TP. Hồ Chí Minh	-	1.081.321.098
- Công ty TNHH Ning Sing Logistics	-	519.860.000
- Các đối tượng khác	-	264.064.560
	-	1.865.245.658
c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	282.815.100	282.815.100
	282.815.100	282.815.100

18 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Công ty Cổ phần Chíp Sáng Lô T2-4 Khu Công nghệ cao, đường D1, phường Hiệp Phú, Tp Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ		Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng	
	VND	VND		VND	VND		VND	VND			VND	VND
Số dư đầu năm trước	80.290.800.000	-	374.000.000	(11.140.610.000)	-	426.849.623	11.984.480	(4.367.472.543)	(460.565.024)	-	65.134.986.536	9.563.641.903
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	9.728.789.278	(165.147.375)	-	74.698.628.439	-
Số dư cuối năm trước	80.290.800.000	-	374.000.000	(11.140.610.000)	-	426.849.623	11.984.480	5.361.316.735	(625.712.399)	-	74.698.628.439	9.563.641.903
Số dư đầu năm nay	80.290.800.000	-	374.000.000	(11.140.610.000)	-	426.849.623	11.984.480	5.361.316.735	(625.712.399)	-	74.698.628.439	11.315.010.129
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-	11.315.067.736	(57.607)	-	-	-
Chia cổ tức năm 2023 ⁽ⁱ⁾	-	-	-	-	-	-	-	(2.766.007.600)	-	-	-	-
Trích quỹ Đầu tư phát triển năm 2023 ⁽ⁱ⁾	-	-	-	-	-	155.000.000	-	(155.000.000)	-	-	-	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2023 ⁽ⁱ⁾	-	-	-	-	-	-	-	(384.470.233)	-	-	-	(384.470.233)
Tặng khác	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1.442	1.442
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(1.442)	(1.442)
Số dư cuối năm nay	80.290.800.000	-	374.000.000	(11.140.610.000)	-	581.849.623	11.984.480	13.370.905.196	(625.768.564)	-	82.863.160.735	11.315.010.129

(i) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông ngày 01 tháng 06 năm 2024, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2023 như sau:

	Tỷ lệ %	Số tiền VND
Trích Quỹ đầu tư phát triển	5,00%	155.000.000
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	15,00%	384.470.233
Chi trả cổ tức (tương ứng mỗi cổ phần nhận 400 VND)		2.766.007.600

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Đầu năm VND
Liên hiệp Hợp tác xã Thương mại Thành phố Hồ Chí Minh	12,31	9.880.440.000	12,31	9.880.440.000
Các cổ đông khác	73,82	59.269.750.000	73,82	59.269.750.000
Cổ phiếu quỹ	13,87	11.140.610.000	13,87	11.140.610.000
	100	80.290.800.000	100	80.290.800.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	80.290.800.000	80.290.800.000
- Vốn góp cuối năm	80.290.800.000	80.290.800.000
Cổ tức, lợi nhuận		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	282.815.100	282.815.100
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm	2.766.007.600	-
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	2.766.007.600	-
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền	(1.727.708.800)	-
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	(1.727.708.800)	-
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm	1.321.113.900	282.815.100

d) Cổ phiếu

	31/12/2024	01/01/2024
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.029.080	8.029.080
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
- Cổ phiếu phổ thông	8.029.080	8.029.080
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)		
- Cổ phiếu phổ thông	1.114.061	1.114.061
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- Cổ phiếu phổ thông	6.915.019	6.915.019
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND		

e) Các quỹ công ty

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Quỹ đầu tư phát triển	581.849.623	426.849.623
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	11.984.480	11.984.480
	593.834.103	438.834.103

19 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

a) Tài sản cho thuê ngoài

Công ty hiện đang cho thuê mặt bằng tòa nhà tại số 253 Điện Biên Phủ, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh theo các hợp đồng thuê hoạt động. Tại ngày 31/12/2024, tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng cho thuê hoạt động không được hủy ngang theo các thời hạn được trình bày như sau:

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
- Từ 1 năm trở xuống	9.738.653.157	9.623.891.289
- Trên 1 năm đến 5 năm	-	8.625.164.016
	9.738.653.157	18.249.055.305

b) Tài sản thuê ngoài

Công ty thuê mặt bằng tòa nhà và văn phòng theo tại số 253 Điện Biên Phủ, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh theo hợp đồng thuê mặt bằng số 03/HĐ-SCID/2018 ngày 18/12/2018 và phụ lục hợp đồng số 01/2022. Vào ngày 31/12/2024, tổng số tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai theo hợp đồng không hủy ngang theo các thời hạn được trình bày như sau:

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
- Từ 1 năm trở xuống	5.756.406.360	5.926.260.180
- Trên 1 năm đến 5 năm	-	5.535.612.691
	5.756.406.360	11.461.872.871

c) Ngoại tệ các loại

	31/12/2024	01/01/2024
Đồng đô la Mỹ (USD)	243,12	260,19

20 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	10.540.640.995	9.135.363.799
Doanh thu bán hàng hóa	-	17.895.623
	10.540.640.995	9.153.259.422

21 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	7.598.076.168	7.324.142.049
Giá vốn của hàng hóa đã bán	-	20.055.145
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(18.411.963)
	7.598.076.168	7.325.785.231

22 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Lãi tiền gửi	2.352.664.451	1.841.166.541
Cổ tức, lợi nhuận được chia	6.355.125.000	11.733.750.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	11.804	4.615
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	286.648	189.940
	8.708.087.903	13.575.111.096
Trong đó: Doanh thu tài chính nhận từ các bên liên quan <i>(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 32)</i>	6.355.125.000	11.754.024.246

23 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí dịch vụ mua ngoài	22.785.813	64.121.316
Chi phí khác bằng tiền	-	100.000
	22.785.813	64.221.316

24 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	22.813.485	25.459.529
Chi phí nhân công	1.382.133.430	1.231.432.544
Thuế, phí, lệ phí	4.000.000	4.000.000
Chi phí dự phòng	3.500.000	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	987.614.240	820.173.938
	2.400.061.155	2.081.066.011
Trong đó: Chi phí mua của các bên liên quan <i>(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 32)</i>	19.853.820	18.908.400

25 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Thu nhập từ thanh lý hàng hư hỏng, công cụ dụng cụ	17.592.593	25.451.292
Thu nhập từ bồi thường hợp đồng	-	168.565.455
Thu nhập khác	15.039.367	2.309.985
	32.631.960	196.326.732

26 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Giá trị còn lại và chi phí từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	-	742.491.640
Các khoản bị phạt	385.217	2.512.069
Chi phí hàng hóa, công cụ dụng cụ thanh lý	1.995.341	13.920.454
Chi phí khác	136.811	19.224.085
	2.517.369	778.148.248

27 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty mẹ	620.068.874	351.060.427
Chi phí thuế TNDN hiện hành từ các công ty con	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	620.068.874	351.060.427
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	273.753.333	(77.307.094)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(351.060.427)	-
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	542.761.780	273.753.333

28 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	11.315.067.736	9.728.789.278
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	11.315.067.736	9.728.789.278
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	6.915.019	6.915.019
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.636	1.407

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

29 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	22.813.485	29.844.732
Chi phí nhân công	1.422.089.590	1.255.826.987
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.538.611.425	8.162.061.250
Chi phí khác bằng tiền	37.408.636	20.915.110
	10.020.923.136	9.468.648.079

30 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro tài chính**

Các loại rủi ro tài chính của Công ty có thể gặp phải bao gồm: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nội bộ với quy trình phê duyệt 2 cấp đối với các giao dịch tài chính lớn. Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát chịu trách nhiệm giám sát quản lý rủi ro nhằm đảm bảo sự ổn định tài chính.

Rủi ro thị trường

Công ty có thể sẽ gặp phải các rủi ro thị trường như: rủi ro về giá và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2024				
Đầu tư ngắn hạn	9.242.100.000	-	-	9.242.100.000
	9.242.100.000	-	-	9.242.100.000
Tại ngày 01/01/2024				
Đầu tư ngắn hạn	1.100.000.000	-	-	1.100.000.000
	1.100.000.000	-	-	1.100.000.000

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

Để nâng cao khả năng kiểm soát tín dụng và công nợ: Công ty áp dụng chính sách thẩm định tín dụng khách hàng kỹ lưỡng và theo dõi công nợ định kỳ.

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2024				
Tiền	1.470.953.802	-	-	1.470.953.802
Phải thu khách hàng, phải thu khác	2.093.153.344	4.500.000	-	2.097.653.344
Tiền gửi có kỳ hạn	27.467.050.233	-	-	27.467.050.233
	31.031.157.379	4.500.000	-	31.035.657.379

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2024				
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.387.324.809	-	-	1.387.324.809
Phải thu khách hàng, phải thu khác	5.594.301.225	922.187.970	-	6.516.489.195
Tiền gửi có kỳ hạn	21.209.547.081	4.005.000.000	-	25.214.547.081
	28.191.173.115	4.927.187.970	-	33.118.361.085

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính đến hạn thanh toán do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau. Để kiểm soát, Công ty lập kế hoạch dòng tiền hàng tháng, duy trì quỹ dự phòng thanh khoản và giám sát chặt chẽ các dòng tiền ra/vào.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2024				
Phải trả người bán, phải trả khác	3.973.647.741	-	-	3.973.647.741
Chi phí phải trả	339.186.428	-	-	339.186.428
	4.312.834.169	-	-	4.312.834.169
Tại ngày 01/01/2024				
Phải trả người bán, phải trả khác	1.116.571.513	1.865.245.658	-	2.981.817.171
Chi phí phải trả	279.512.893	-	-	279.512.893
	1.396.084.406	1.865.245.658	-	3.261.330.064

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

31. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.

32. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH Sacom - Chíp Sáng	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Bán dẫn Việt Nam	Công ty liên kết
Công ty TNHH Saolatek	Công ty nhận đầu tư
Liên hiệp Hợp tác xã Thương mại Thành phố Hồ Chí Minh	Cổ đông lớn
Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát	

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong năm với các bên liên quan như sau:

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí quản lý doanh nghiệp	19.853.820	18.908.400
Công ty TNHH Sacom - Chíp Sáng	19.853.820	18.908.400
Cổ tức được chia	6.355.125.000	11.754.024.246
Công ty TNHH Sacom - Chíp Sáng	6.355.125.000	11.754.024.246
Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:		
Chức vụ	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Thu nhập, thù lao của người quản lý chủ chốt	697.272.086	529.821.209
Ông Phạm Ngọc Tuấn Chủ tịch HĐQT	63.227.000	36.746.000
Ông Nguyễn Mạnh Hùng Ủy viên HĐQT	20.691.000	25.397.000
Ông Phạm Trung Kiên Ủy viên HĐQT	22.691.000	13.698.000
Ông Vũ Thái Hà Ủy viên HĐQT	45.382.000	30.397.000
Ông Đặng Duy Hợp Ủy viên HĐQT kiêm Giám đốc	479.208.086	379.419.209
Bà Lê Thị Anh Đào Trưởng ban kiểm soát	19.691.000	14.768.000
Ông Ngô Quốc Hùng Thành viên BKS	19.691.000	13.698.000
Ông Tấn Lộc Louis Thành viên BKS	26.691.000	15.698.000

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong năm và không có số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với Công ty.

33 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.


 Vũ Việt Hương
 Người lập


 Vũ Việt Hương
 Kế toán trưởng


 Đặng Duy Hợp
 Giám đốc
 TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2025

chíp sáng

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN CÔNG TY CỔ PHẦN CHÍP SÁNG

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 04 năm 2025


 Đặng Duy Hợp
 ĐẶNG DUY HỢP
 Giám đốc



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÍP SÁNG



Địa chỉ

Lô T 2-4 Khu Công Nghệ Cao, Đường D1, Phường Hiệp Phú,
Thành phố Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh



Số điện thoại

(028) 3930 1964



Website

www.chipsang.vn